

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Mã chứng khoán: DNH

- Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

- Điện thoại liên hệ: 0263 728171

Fax: 0263 866457

- Email: phuoctqt@dhd.com.vn; trusochinh@dhd.com.vn

- Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2020.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/3/2021 tại đường dẫn: www.dhd.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên (bản giấy);
- CT HĐQT (để b/c);
- Các P.TGD;
- Lưu: VT, HCLĐ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quang

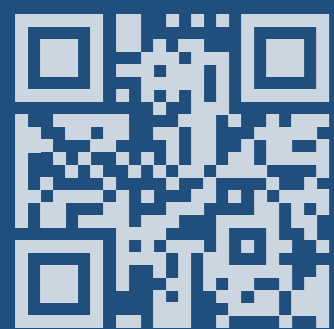
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**



EVN HPC DHD

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Địa chỉ: Số 80A, Trần Phú, Phường Sơn Lộc, Thành phố Bảo Lộc,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

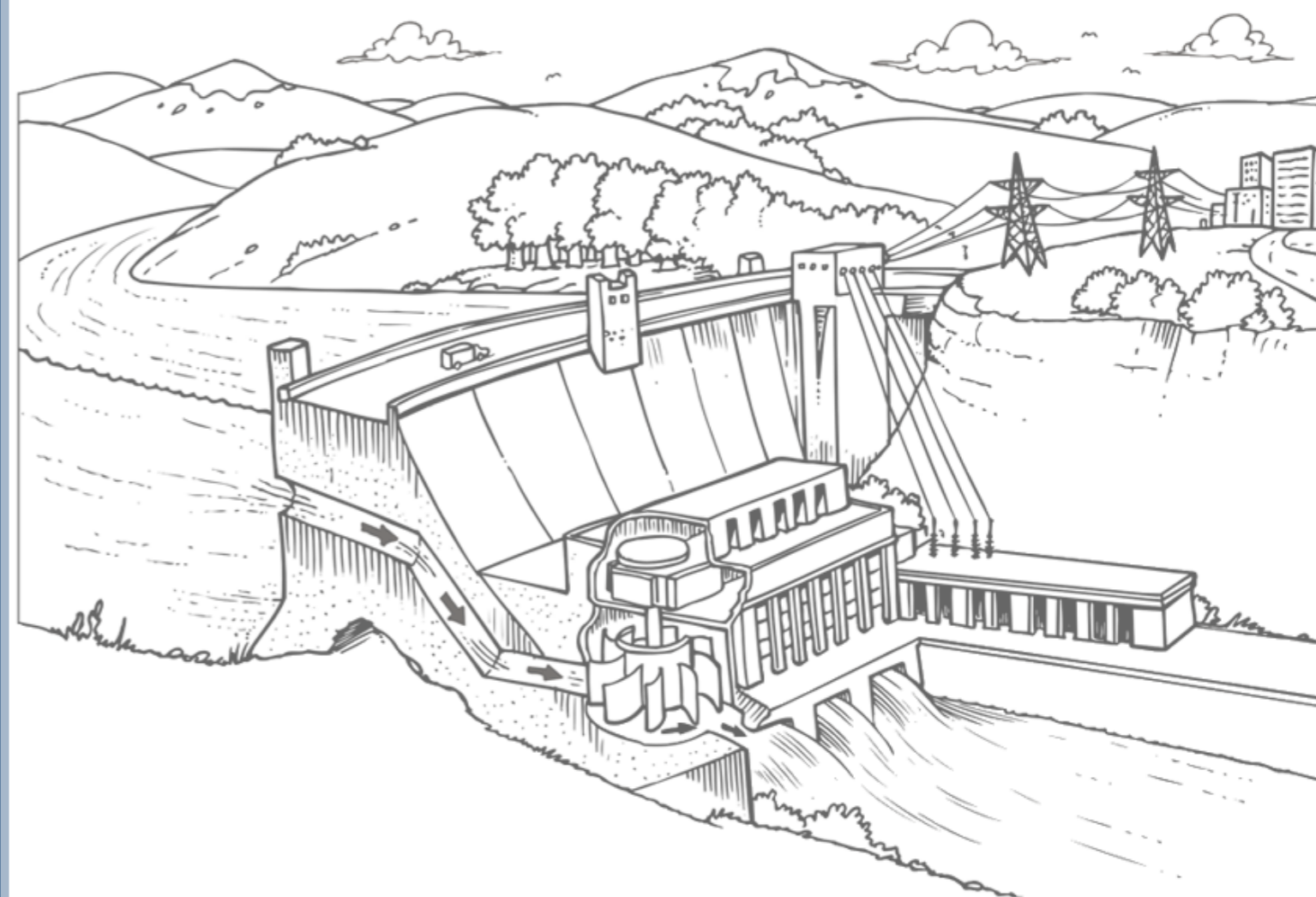
06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020



EVN HPC DHD

CHÚNG TÔI CHỌN NĂNG LƯỢNG XANH





EVNHPC DHD

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn hoạt động

Mô hình quản trị

Định hướng phát triển

Rủi ro

Tên giao dịch

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Tên tiếng Anh

Da Nhim - Ham Thuan - Da Mi Hydro Power Joint Stock Company

Giấy chứng nhận ĐKDN

Số 5800452036, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18/5/2005, thay đổi lần 8 ngày 06/7/2017.

Vốn điều lệ

4.224.000.000.000 đồng

Địa chỉ

Số 80A, Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Số điện thoại

(0263) 3728 171

Số fax

(0263) 3866 457

Website

www.dhd.com.vn

Email

trusochinh@dhd.com.vn

Mã cổ phiếu

DNH

Thông tin khái quát

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú - TP. Bảo Lộc - Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 0263. 372 8171 - Fax: 0263. 386 6457 - Email: trusochinh@dhd.com.vn - www.dhd.com.vn

1964

Tiền thân Công ty là Nhà máy Thủy điện (NMTĐ) Đa Nhim, đưa vào vận hành với công suất 160 MW.

2001

Thông qua Quyết định số 154 EVN/TCCP.ĐT Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam đổi tên Nhà máy Thủy điện Đa Nhim thành Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi với tổng công suất 642,5MW trên cơ sở sáp nhập cụm thủy điện Đa Nhim - Sông Pha và Hàm Thuận - Đa Mi.

2007

Thủ tướng Chính phủ quyết định cổ phần hóa Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi theo Quyết định số 384/QĐ - TTG ngày 03/4/2007.

2005

Theo Quyết định số 18/2005/QĐ-BCN ngày 30/3/2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), chuyển NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

2011

Ngày 07/10/2011, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, với số vốn điều lệ là 4.248.000.000.000 đồng. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 99,93% vốn điều lệ

Quá trình hình thành & Phát triển

2014

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 biểu quyết thông qua điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty thành 4.224.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 46/ NQ - TĐĐHD - ĐHĐCĐ ngày 27/6/2014

6/2017

Ngày 12/6/2017, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định số 427/QĐ-SGDHN chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

3/2017

Ngày 20/3/2017, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng

4/2017

Ngày 03/4/2017, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 72/2017/GCNCPVSD và cấp mã chứng khoán cho Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi là DNH.

6/2019

Công ty hoàn thành đưa vào phát điện dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi công suất 47,5 MWp.



EVN HPC DHD

Thành tích trong quá trình hoạt động

Năm	Thành tích đạt được
1979	Huân chương Độc lập hạng Ba
1985	Huân chương Lao động hạng Hai
1997	Huân chương Lao động hạng Nhất
2000	Bằng khen Bộ Công Thương Huân chương Độc lập hạng Ba Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
2001	Bằng khen Bộ công Công Thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2002	Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Thuận Bằng khen Công an tỉnh Bình Thuận
2003	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2004	Huân chương độc lập hạng Ba năm 2004 Cờ thi đua xuất sắc Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Y tế
2005	Cờ thi đua xuất sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2006	Anh hùng Lao động năm 2006 Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận; Bằng khen Bộ Công Thương
2007	Bằng khen Bộ Công Thương Cờ thi đua Bộ Công Thương

Năm	Thành tích đạt được
2008	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
2009	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
2010	Huân chương Độc lập hạng Nhì Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2011	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
2012	Bằng khen Bộ Công Thương
2013	Bằng khen Bộ Công Thương
2014	Huân chương Độc lập hạng Nhì Cờ UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
2015	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
2016	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2017	Bằng khen Bộ Công Thương
2018	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2019	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
2020	Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng

Ngành nghề & Địa bàn kinh doanh

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY

- Sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, trạm điện và đường dây tải điện.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi có địa bàn hoạt động trải dài trên ba tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận với hai cụm nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha, Hàm Thuận - Đa Mi và Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi.



EVN HPC DHD



Ninh Thuận

Lâm Đồng

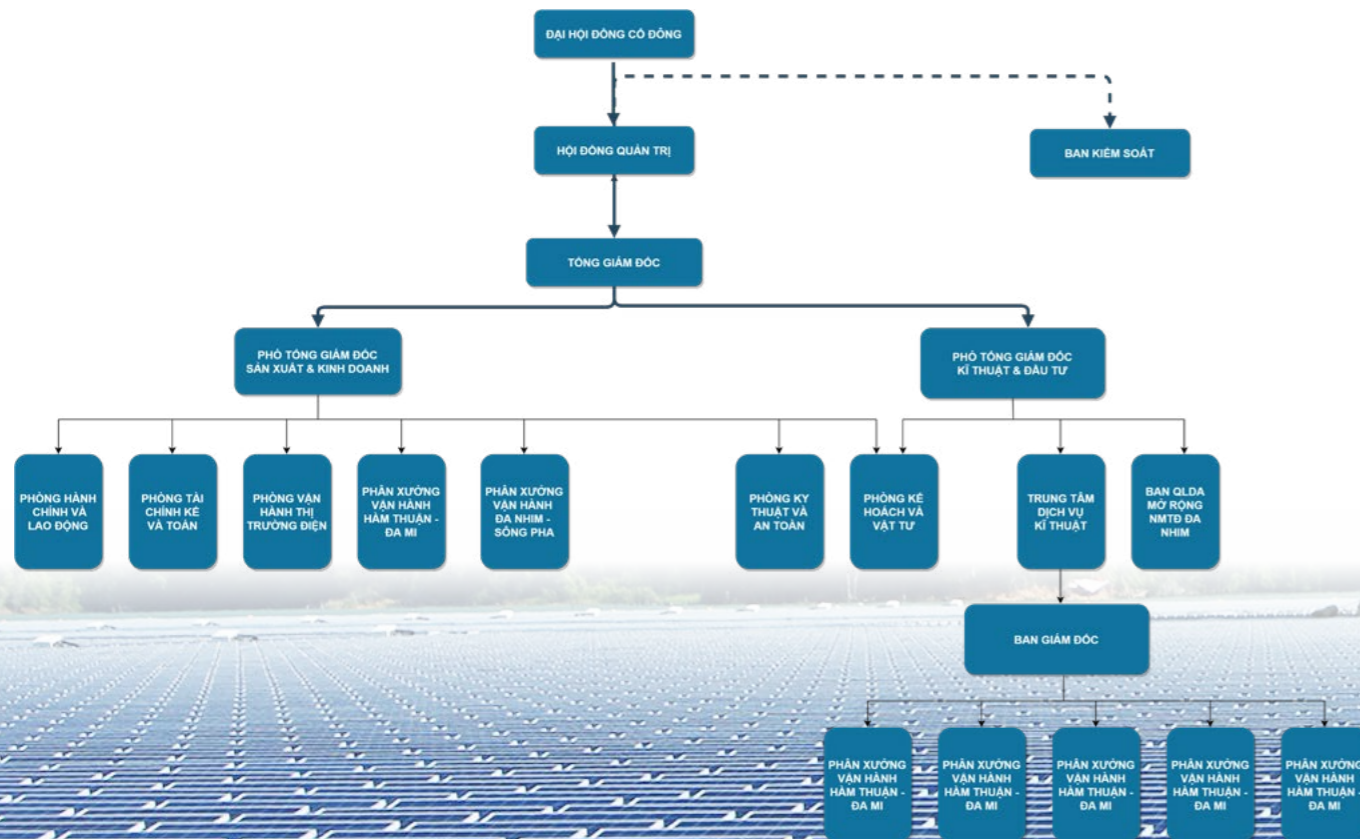
Bình Thuận

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị:

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan, cụ thể như sau:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Tổng Giám đốc.



Tổng Công ty Phát điện 1

CTCP Thủy điện Đa nhiệm
- Hàm Thuận - Đa Mi

CÔNG TY CON

CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP Thủy điện
Hạ Sông Pha

CTCP Phong điện
Bình Thuận

Công ty mẹ: Tổng công ty Phát điện 1

- Trụ sở chính: Tòa nhà Thai Building, khối nhà A, lô E2, số 22 đường Dương Đình Nghệ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (024) 6694 1234
- Mã số thuế: 5701662152
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng
- Tỷ lệ nắm giữ tại DNH: 99,93%/Vốn điều lệ

Công ty con: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

- Địa chỉ: Thôn Lâm Bình, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.
- Điện thoại: (0268) 39 52 178 - Fax: (0268) 39 52 179
- Mã số thuế: 4500407954
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Tỷ lệ nắm giữ của DNH tại Công ty: 70% vốn điều lệ.

Công ty liên kết: Công ty cổ phần Phong điện Bình Thuận

- Địa chỉ: Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: (0262) 38 22 024
- Fax: (0262)38 23 024
- Mã số thuế: 3400675644
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Tỷ lệ nắm giữ của DNH tại Công ty: 20% vốn điều lệ.



Định hướng phát triển

Tầm nhìn

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi trở thành doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện đóng vai trò quan trọng trong hệ thống lưới điện quốc gia và khu vực, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống cho nhân dân cho các vùng hạ du.

Sứ mệnh

Mang lại sự hài lòng cho khách hàng, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty thông qua việc sản xuất điện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng ngày càng hoàn hảo.

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Giai đoạn năm 2016-2020 và giai đoạn 05 năm 2021-2025 tập trung các lĩnh vực:

- Phát triển năng lượng về thủy điện, điện mặt trời.
- Cung cấp các dịch vụ: Quản lý dự án xây dựng; thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định an toàn các thiết bị điện; sửa chữa các thiết bị cơ, điện các nhà máy điện, các trạm điện; đào tạo và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện.
- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: Hoàn thành hạng mục đào hầm và phát điện với công suất 80MW vào quý III/2021.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị các nhà máy Đa Mi, Đa Nhim và Sông Pha.
- Nghiên cứu, đầu tư Dự án mở rộng nhà máy điện mặt trời Đa Mi - giai đoạn 2 với công suất 100MW.
- Nghiên cứu, hoàn thiện bổ sung Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2 vào Quy hoạch điện VIII.

Mục tiêu phát triển bền vững

- Đảm bảo lợi ích cốt lõi của doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.
- Tạo điều kiện tốt nhất để người lao động yên tâm công tác và phát huy hết khả năng của mình, mang lại hiệu quả cao nhất; xây dựng môi trường làm việc có văn hóa, văn minh, lịch sự phù hợp với xu thế phát triển, hội nhập của thời đại.
- Tham gia các công tác xã hội, hoạt động từ thiện, đền ơn đáp nghĩa... nhằm chia sẻ, giúp đỡ địa phương, đồng bào khó khăn; xây dựng, củng cố và quảng bá hình ảnh thân thiện, gắn gũi của Công ty, của người lao động đối với chính quyền và dân cư bản địa.

Các yếu tố rủi ro

Rủi ro kinh tế

Ngành công nghiệp điện là một trong những ngành mang lại lợi ích kinh tế to lớn cho Việt Nam, thúc đẩy quá trình phát triển, sản xuất, và nâng cao chất lượng sản phẩm trong nền công nghiệp 4.0 hiện nay. Tại thời điểm đại dịch Covid-19 xảy ra vào đầu năm 2020, ngành điện là một trong số ngành ít bị tác động khi tổng mức tiêu thụ điện của Việt Nam vẫn tăng trưởng 7,5% so với cùng kỳ. Tuy vậy, tiềm ẩn dịch bệnh toàn cầu kéo dài và nguy cơ tái bùng phát sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới ngành điện trong thời gian tới.

GDP Việt Nam trong năm 2020 tăng 2,91% so với năm 2019, là mức tăng thấp nhất trong 10 năm qua do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 bùng phát vào tháng 1/2020 và tái bùng phát vào tháng 7/2020. Sản xuất gặp nhiều khó khăn và hoạt động kinh doanh vừa và nhỏ đang có những động thái phục hồi mang tính thận trọng. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp chạm mức 4% và tỉ lệ lạm phát tăng lên 3,85% so với cùng kỳ. Các chỉ số trên dự báo một năm kinh tế tăng trưởng chậm, nhưng vẫn mang lại tín hiệu tích cực cho thị trường hoạt động sản xuất kinh doanh khi nền kinh tế quốc gia đang có những bước chuyển biến khả quan. Do đó, động lực tăng trưởng từ nền kinh tế đang được hồi phục trong thời gian sắp tới sẽ thúc đẩy sự phát triển và nhu cầu tiêu thụ điện một cách mạnh mẽ trong năm 2021. (Số liệu theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội trong nước tháng 12 và năm 2020 của Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố).

Ban lãnh đạo luôn theo sát tình hình kinh tế vĩ mô và đưa ra các phương án kịp thời đảm bảo doanh thu tăng trưởng đều của ngành điện. Từ đó, duy trì tốc độ phát triển ổn định và là bàn đạp vững chắc để thúc đẩy cho nền kinh tế phục hồi sau dịch Covid-19.

Rủi ro pháp luật

Công ty luôn xem tuân thủ pháp luật là một mục tiêu quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của Công ty. Với vai trò là một công ty đại chúng hoạt động ở Việt Nam, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Quản lý thuế, Luật thương mại, ... cùng các Nghị định, Thông tư liên quan. Ngoài ra, hoạt động chính của Công ty thuộc ngành công nghiệp điện, nên còn chịu sự ràng buộc của Luật Điện lực, Luật Bảo vệ môi trường.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi của Luật và các văn bản dưới Luật sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động vận hành doanh nghiệp. Cụ thể, khi Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào ngày 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào ngày 17/6/2020 cùng có hiệu lực từ ngày 01/01/2021, Công ty đã tập trung cập nhật những thay đổi này, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến kế hoạch tăng cường hệ thống các văn bản phục vụ công tác quản trị trong năm 2021. Việc xây dựng một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học cũng sẽ giúp Công ty hoạt động một cách hiệu quả, đảm bảo giảm thiểu rủi ro về mặt quản trị xuống mức thấp nhất.

Rủi ro lãi suất và tỷ giá

Độc thù ngành điện là cần sử dụng vốn vay dài hạn để đầu tư các dự án thủy điện nên vốn vay và lãi suất phải trả được dự tính trong chi phí sản xuất kinh doanh và đầu tư doanh nghiệp trong năm. Vì vậy, Công ty cần thường xuyên phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định về lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty nhưng đồng thời vẫn kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được.

Bên cạnh đó, một số dự án của Công ty sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Nhật Bản. Sự biến động trên thị trường ngoại hối có thể tạo ra doanh thu đột biến nhờ hưởng lợi tỷ giá, nhưng cũng có thể gây ra những khoản lỗ tỷ giá không nhỏ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nếu tỷ giá JPY/VND tăng khi đến kỳ thanh toán.

Tại thời điểm 31/12/2020, tỷ giá JPY/VND đã tăng khoảng 4,72% so với cùng thời điểm năm trước do những bất ổn trong thương mại toàn cầu. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước đã và đang áp dụng các chính sách điều hành tỷ giá một cách linh hoạt, phù hợp với các cân đối vĩ mô và diễn biến thị trường, giữ mặt bằng lãi suất tương đối ổn định để tạo điều kiện đảm bảo nguồn vốn cho kinh doanh sản xuất, hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Vì thế, những biến động về lãi suất cũng như tỷ giá sẽ ảnh hưởng lớn đến khả năng huy động nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, DNH luôn chủ động liên tục cập nhật thông tin về thay đổi lãi suất và tỷ giá để có những quyết định phù hợp đối với nguồn vốn vay của Công ty. Từ đó, lập các kế hoạch để chủ động đối phó với những trường hợp xảy ra không thể kiểm soát như đại dịch Covid-19 xuất hiện đầu năm nay.



Rủi ro thời tiết

Hoạt động sản xuất kinh doanh điện phụ thuộc chủ yếu vào điều kiện thời tiết và lượng mưa trên lưu vực. Nhà máy thủy điện phải đảm bảo nguồn cung cấp nước chống hạn vào mùa khô và điều tiết giảm lũ cho vùng hạ du trong mùa mưa bão hằng năm. Vào những thời điểm hạn hán kéo dài trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn ra phức tạp, việc đảm bảo được lượng nước đầy đủ cho việc sản xuất điện tiêu dùng là một thử thách vô cùng cam go đối với ngành thủy điện hiện nay. Trong năm 2020, Việt Nam đón nhiều đợt nắng nóng do hiện tượng El Nino kéo dài từ cuối năm 2019 sang những tháng đầu năm 2020, lượng mưa sụt giảm mạnh ở hầu hết các khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, đồng thời nhiệt độ tăng cao gây ra tình trạng hạn hán trên diện rộng. Điều này làm mực nước ở nhiều hồ thủy điện tiệm cận “mực nước chết”, khiến các nhà máy có nguy cơ thiếu nước phục vụ phát điện, ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như đời sống sinh hoạt của người dân tại các địa phương.

Để ứng phó với các tình trạng này, doanh nghiệp phải luôn quan sát và theo dõi các dự báo từ Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Quốc gia để có những hành động và kế hoạch nhanh chóng giúp ứng phó với những biến đổi này cũng như xây dựng phương án phát điện tối ưu.

Sự cần thiết phải có của ngành thủy điện và DNH là phải luôn cập nhật tình hình khí hậu kịp thời, chính xác để hướng điều chỉnh và vận hành hồ nước chứa một cách hiệu quả và cung cấp đủ chỉ tiêu điện theo kế hoạch đề ra. Ngoài ra, Cụ thể, để đề phòng tình trạng biến đổi khí hậu bất thường gây ra sự sụt giảm nghiêm trọng lượng mưa trong năm, Công ty đã tăng quy mô sản xuất điện thông qua Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi - tỉnh Bình Thuận, và đưa vào hoạt động từ giữa năm 2019. Điều kiện thời tiết khu vực Bình Thuận mang lại nhiều lợi ích cho nhóm điện mặt trời vì có nguồn năng lượng bức xạ mặt trời cao. Từ đó, giúp giảm tải sự phụ thuộc vào hệ thống thủy điện khi khí hậu và thời tiết ngày càng khắc nghiệt khiến thủy điện không còn là nguồn cung cấp ổn định và an toàn về lâu dài.

Rủi ro vận hành

Trong quá trình vận hành nhà máy, việc xảy ra sự cố và hỏng hóc là điều khó tránh khỏi. Để hạn chế được điều này, Công ty đã xây dựng các biện pháp quản lý kỹ thuật như lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị định kỳ thường xuyên, chuẩn bị thiết bị dự phòng nhằm đảm bảo công việc diễn ra liên tục, không bị gián đoạn.

Rủi ro an toàn lao động

Trong công tác vận hành nhà máy thủy điện, an toàn lao động là yếu tố đặc biệt được quan tâm. Để hạn chế các rủi ro này, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể và các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động khi làm việc, cũng như thực hiện, xây dựng và tuân thủ triệt để các quy trình, tài liệu kỹ thuật, huấn luyện kiểm tra sát hạch an toàn, biện pháp, kỹ thuật, tổ chức giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành.

Rủi ro khác

Các yếu tố thiên tai như đại dịch, cháy rừng, hay lũ lụt xảy ra trong những năm gần đây ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, làm giảm khả năng sản xuất và chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Để hạn chế rủi ro do những tác động không thể dự báo trước, doanh nghiệp đề ra các phương án cụ thể, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức diễn tập. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện mua bảo hiểm thiên tai để hạn chế rủi ro và tạo điều kiện cho Công ty phục hồi sau thiệt hại.





EVNHPC DHD

PHẦN II

TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

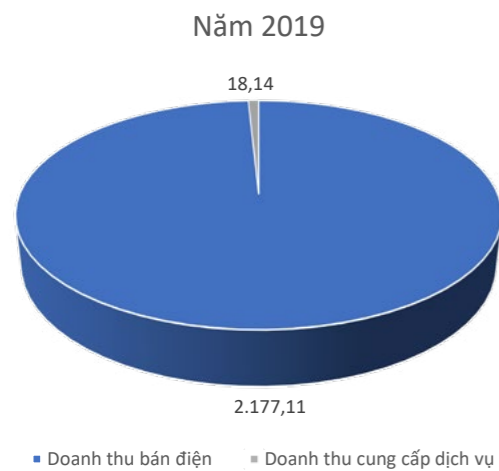


Tình hình hoạt động SXKD

Cơ cấu doanh thu thuần

ĐVT: tỷ đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2019	Tỷ trọng năm 2019	Năm 2020	Tỷ trọng năm 2020	% 2020/2019
1	Doanh thu bán điện	2.177,11	99,17%	1.675,26	99,36%	76,95%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	18,14	0,83%	10,85	0,64%	59,80%
Tổng cộng		2.195,24	100,00%	1.686,11	100,00%	76,81%



Trong năm 2020, tổng doanh thu ghi nhận 1.686,1 tỷ đồng, đạt 76,81% so với năm 2019. Trong đó, tỷ trọng của doanh thu bán điện chiếm tới 99,36%, với giá trị 1.675,26 tỷ đồng. Doanh thu giảm do lượng mưa trong năm giảm dẫn đến việc lưu lượng nước về hồ chứa thấp nên sản lượng phát điện bị hạn chế. Tác động của biến đổi khí hậu trong những năm gần đây vô cùng khắc nghiệt và nghiêm trọng hơn, khí hậu khô hạn kéo dài, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất làm giảm doanh thu.

Ngoài ra, dịch Covid-19 bùng phát đầu năm 2020 đã tác động nặng nề tới nền kinh tế toàn cầu. Nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc phá sản, dẫn tới nhu cầu phụ tải hệ thống điện thấp vì vậy giá thị trường điện thấp hơn so với kế hoạch làm doanh thu giảm. Bên cạnh đó, từ giữa năm 2020 Chính phủ liên tục có những chính sách giảm giá điện để phục vụ phòng, chống dịch Covid-19, gián tiếp tác động tiêu cực đến doanh thu của nhà máy điện. Đây là hoàn cảnh tất yếu đối với các doanh nghiệp ngành điện nói chung tại Việt Nam trong thời điểm dịch Covid-19 chưa được kiểm soát hoàn toàn.



Tổ chức nhân sự

Danh sách ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu (*)
1	Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc	7.600
2	Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	1.000
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc	7.100
4	Bà Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng	9.800

Ông Lê Văn Quang - Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1968
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác

- Từ 9/1992 đến 02/1993: Kỹ sư điện, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ 3/1993 đến 3/1996: Kỹ sư điện, làm việc tại NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 4/1996 đến 7/1997: Tổ trưởng tổ Thí nghiệm điện - Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 8/1997 đến 12/1998: Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 01/1999 đến 12/2006: Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 01/2007 đến 10/2007: Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa 1 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 11/2007 đến 9/2011: Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 10/2011 đến 6/2017: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 7/2017 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi. Từ 07/2017 đến nay: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần đại diện của EVNGENCO1: 147.736.085 cổ phiếu, chiếm 35% vốn điều lệ



Ông Nguyễn Đình Chiến - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1974
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Năng lượng nước
Quá trình công tác

- Từ 11/1997 đến 8/2005: Kỹ sư điện Phân xưởng Sửa chữa 2 - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 9/2005 đến 6/2007: Học Thạc sĩ tại Học viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan.
- Từ 7/2007 đến 5/2008: Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 5/2008 đến 3/2010: Phó phòng Dự án - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 3/2010 đến 01/2011: Trưởng phòng Tư vấn và Thiết kế - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2011 đến 12/2011: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2012 đến 12/2017: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2018 đến nay: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần đại diện của EVNGENCO1: 0 cổ phiếu





Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng

Năm sinh : 1977
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
 Quá trình công tác

- Từ 8/1999 đến 02/2004: Nhân viên phòng Tài chính kế toán - NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 3/2004 đến 8/2005: Phó phòng Tài chính kế toán - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 9/2005 đến 10/2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 11/2006 đến 9/2011: Kế toán trưởng - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 10/2011 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần đại diện của EVNGENCO1: 0 cổ phiếu



Ông Đỗ Minh Lộc - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 1975
 Quốc tịch : Việt Nam
 Trình độ văn hóa : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Điện

Quá trình công tác

- Từ 8/1998 đến 6/2001: Kỹ sư điện, NMTĐ Đa Nhim.
- Từ 7/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2 - NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2003 đến 4/2008: Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 5/2008 đến 12/2011: Quản đốc Phân xưởng Sản xuất Đa Nhim - Sông Pha - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 01/2012 đến 5/2017: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 6/2017 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần đại diện của EVNGENCO1: 84.420.620 cổ phiếu, chiếm 20% vốn điều lệ



Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng(người)	Tỷ lệ
I	THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG	261	100,00%
1	Trình độ đại học, trên đại học	119	45,59%
2	Trình độ cao đẳng	11	4,21%
4	Trình độ trung cấp	69	26,44%
5	Công nhân kỹ thuật	54	20,69%
6	Lao động phổ thông	8	3,07%
II	THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG	261	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	228	87,36%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	-	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	33	12,64%
III	THEO GIỚI TÍNH	261	100,00%
1	Nam	239	91,57%
2	Nữ	22	8,43%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng lao động (người)	274	273	269	259	261
Thu nhập bình quân (đồng/người tháng)	22.990.000	24.757.000	25.182.000	23.871.000	23.510.000

Chính sách với người lao động



Về tuyển dụng

Tài sản lớn nhất của Công ty chính là nguồn nhân lực. Do đó, để đảm bảo chất lượng đầu vào tốt Công ty luôn đảm bảo tuyển đúng người, đúng việc, đạt đủ các điều kiện và tiêu chí được nêu ra trong thông báo tuyển dụng. Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh được an toàn, liên tục, Công ty đã tổ chức buổi tuyển dụng trực tiếp tại các trường đại học để ứng cử viên có thể dễ dàng tiếp cận cũng như tìm kiếm các tài năng tương lai trong cơ sở trường học. Nhân sự tuyển dụng được chi trả mức lương phù hợp với năng lực chuyên môn, được bố trí nhà ở và các điều kiện sinh hoạt khác, đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần để người lao động gắn bó với Công ty.

Về đào tạo

Với phương châm đào tạo phải gắn liền với mục tiêu, chiến lược phát triển trong giai đoạn 2020-2025, Công ty đã tổ chức các khóa đào tạo để củng cố nâng cao năng lực về quản trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Các chương trình đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển nghề nghiệp và nhiều chương trình đào tạo các chức danh vận hành, sửa chữa. Hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ CB.CNV có đủ năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh; nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng làm việc của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; tạo cơ hội học tập, phát triển công bằng, rộng rãi cho người lao động

Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty áp dụng mô hình quản lý hiện đại, phân công và đánh giá công việc công bằng, minh bạch tuyển dụng, đào tạo và bố trí nhân sự theo đúng chức năng, giúp CBCNV phát huy được hết năng lực của bản thân.

Cung cấp cho nhân viên đầy đủ các chế độ phúc lợi như bảo hiểm sức khỏe, hưu trí, về các khoản tiền thưởng động viên nhân viên về kết quả thành tích; các chính sách về hỗ trợ đào tạo và phát triển nghề nghiệp. Công ty thiết lập quỹ dành cho hoạt động nhân sự hằng năm, thu hút và giữ chân nhân tài. Có chính sách rõ ràng cùng các hoạt động đội nhóm, tạo ra môi trường cởi mở để xây dựng nguồn nhân tài nội bộ và cơ hội đào tạo phát triển vượt trội.

Tình hình đầu tư thực hiện dự án



EVNHPC DHD

01

Chính thức thông hầm dẫn nước Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim



Ngày 16/12/2020, Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tổ chức Lễ thông hầm dẫn nước Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim. Được sự chấp thuận của Bộ Công Thương, Công ty đã thực hiện giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện, đưa Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng vận hành giai đoạn 1 với công suất 45MW vào đầu năm 2019. Từ ngày đưa vào vận hành thương mại giai đoạn 1 đến cuối năm 2020, Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng sản xuất được khoảng 380 triệu kWh. Theo tiến độ thi công, sau khi toàn bộ công trình hoàn thành, Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng phát đủ công suất thiết kế 80MW vào quý III/2021.

Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi sau một năm vận hành

02

Dự án được bắt đầu triển khai thi công xây dựng từ tháng 8/2018, đến ngày 01/6/2019. Tổng mức đầu tư của dự án là 1.438,87 tỷ đồng, trong đó vốn vay là 37 triệu USD từ Ngân hàng Phát triển Châu Á và phần còn lại là từ nguồn vốn tự có của Công ty. Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi chính thức vận hành thương mại, góp phần cung cấp nguồn năng lượng sạch lên lưới điện Quốc gia và đáp ứng nhu cầu sử dụng điện năng của tỉnh Bình Thuận.

Sau một năm vận hành, các thông số kỹ thuật đều đạt và vượt giá trị thiết kế. Theo thiết kế kỹ thuật được phê duyệt, Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi cung cấp sản lượng 69,9 triệu kWh trong năm đầu tiên với tỉ số hiệu suất phát điện PR là 81,43%. Trên thực tế, sản lượng điện sản xuất trong năm đầu tiên là 74,18 triệu kWh, tăng 6,12% so với sản lượng thiết kế và chỉ số PR đạt 85,80%. Việc tận dụng mặt hồ thủy điện để thi công Dự án đã giúp giảm thiểu chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, làm giảm suất đầu tư và tăng hiệu quả đầu tư cho Dự án.



Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% TH2020/TH2019
1	Tổng tài sản	9.231,70	8.351,87	90,47%
2	Doanh thu thuần	2.195,24	1.686,11	76,81%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.280,80	796,35	62,18%
4	Lợi nhuận khác	-5,96	-0,2	-
5	Lợi nhuận trước thuế	1.274,83	796,15	62,45%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.047,52	660,34	63,04%

Năm 2020, doanh thu thuần của Công ty ghi nhận 1.686,1 tỷ đồng, đạt 76,81% so với năm 2019, thấp hơn 7% so với kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân doanh thu trong năm sụt giảm do tình hình thủy văn không thuận lợi làm cho lưu lượng nước trung bình về các hồ chứa thấp, dẫn đến tình trạng thâm hụt sản lượng điện sản xuất; cùng với đó là kết quả kinh doanh của công ty liên kết hoạt động trong cùng lĩnh vực bị lỗ nên trực tiếp ảnh hưởng tới doanh thu của toàn doanh nghiệp.

Ngoài ra, đại dịch Covid-19 bùng phát trong năm 2020 gây ra cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của ngành điện nói chung và Công ty nói riêng. Theo báo cáo được đưa ra bởi Công ty CP Chứng khoán Bản Việt (VCSC), dịch Covid-19 đã khiến phụ tải và giá thị trường (CGM) giảm trong 7 tháng đầu năm 2020. Tình trạng tăng trưởng phụ tải hệ thống điện thấp vì vậy giá thị trường điện thấp hơn so với kế hoạch làm giá vốn bán hàng tăng, giảm doanh thu của doanh nghiệp.

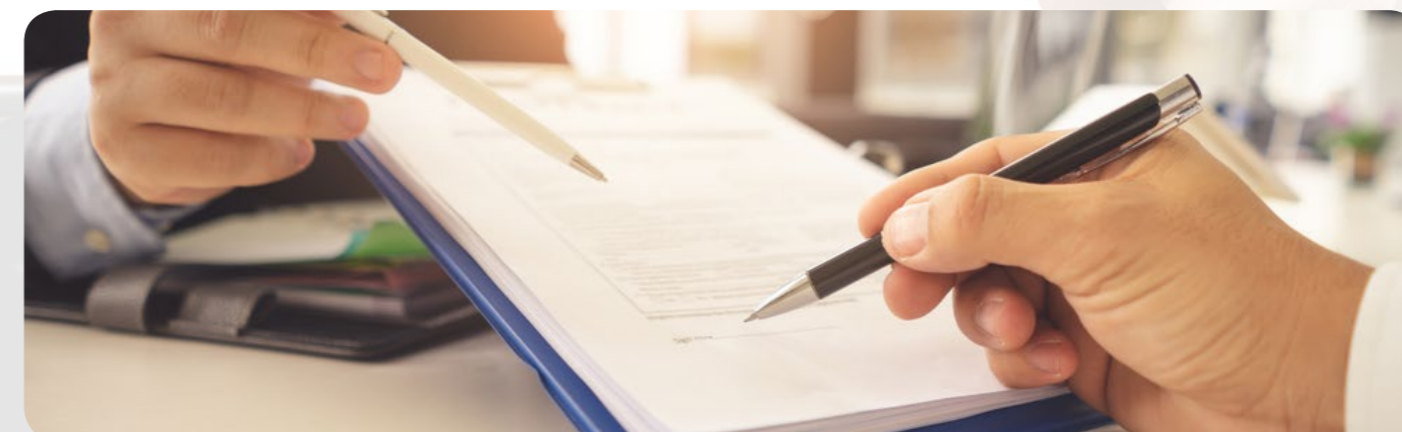
Mặc dù không hoàn thành chỉ tiêu về tổng doanh thu, Công ty đã suất sắc vượt kế hoạch về lợi nhuận được đề ra tại ĐHCĐ thường niên năm 2020. Cụ thể, lợi nhuận sau thuế đạt giá trị 660,34 tỷ đồng, đạt 63,04% so với năm 2019 và 109,41% kế hoạch năm. Đây là điểm đáng ghi nhận đối với Ban lãnh đạo Công ty khi lèo lái con tàu DNH vượt qua một năm vô cùng cam go và thử thách. Hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2020 chính là món quà xứng đáng dành cho các cấp lãnh đạo và tập thể CB-CNV đã nỗ lực hết mình cùng nhau đóng góp sức xây dựng DNH ổn định và vững mạnh trong năm vừa qua.



- **Doanh thu thuần** : **1.686,11** tỷ đồng
- **Lợi nhuận trước thuế** : **796,15** tỷ đồng
- **Lợi nhuận sau thuế** : **660,34** tỷ đồng

Các chỉ tiêu tài chính:

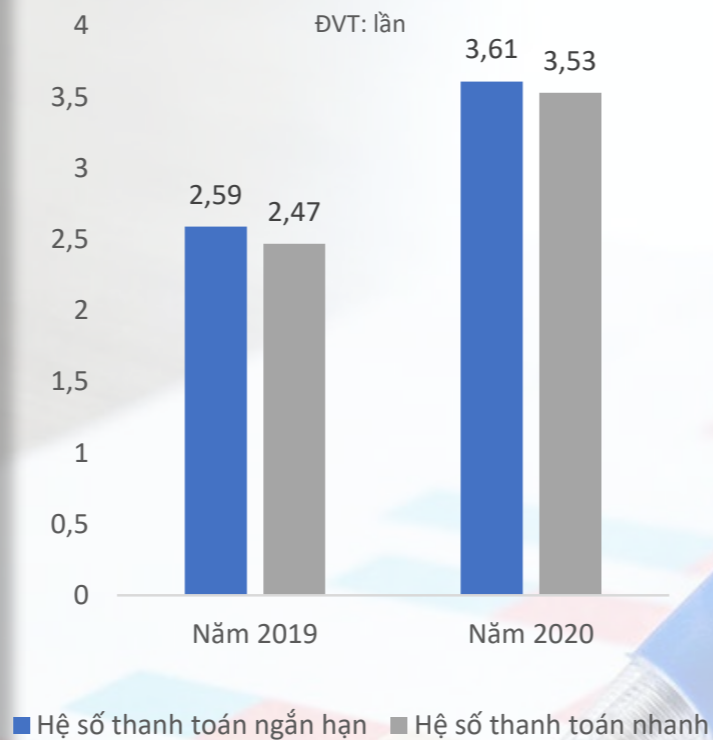
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn		2,59	3,61
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,47	3,53
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	32,95	30,50
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	49,14	44,00
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,94	13,59
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,24	0,19
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	47,72	39,16
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	17,41	11,01
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	11,45	7,51
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	58,34	47,23



Khả năng thanh toán nhanh

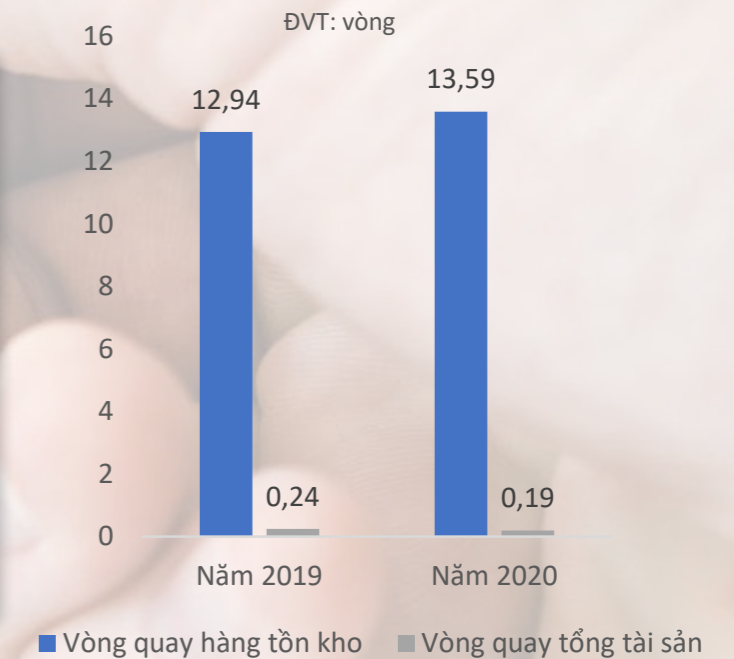
Các hệ số thanh toán của Công ty đều tăng trong năm 2020. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ mức 2,59 năm 2019 lên mức 3,61 năm 2020. Hệ số thanh toán nhanh tăng từ mức 2,47 lên mức 3,53 năm 2020.

Nguyên nhân của sự thay đổi này xuất phát từ khoản mục Nợ ngắn hạn giảm từ 756,96 tỷ xuống còn 413,83 tỷ đồng. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm hơn 300 tỷ đồng, do trong kì Công ty đã thanh toán các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả. Hai chỉ số trên thể hiện khả năng thanh toán của Công ty ổn định nhờ hoạt động kinh doanh hiệu quả, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được củng cố qua hàng năm, đảm bảo khả năng trả các món nợ khi tới hạn.



Năng lực hoạt động

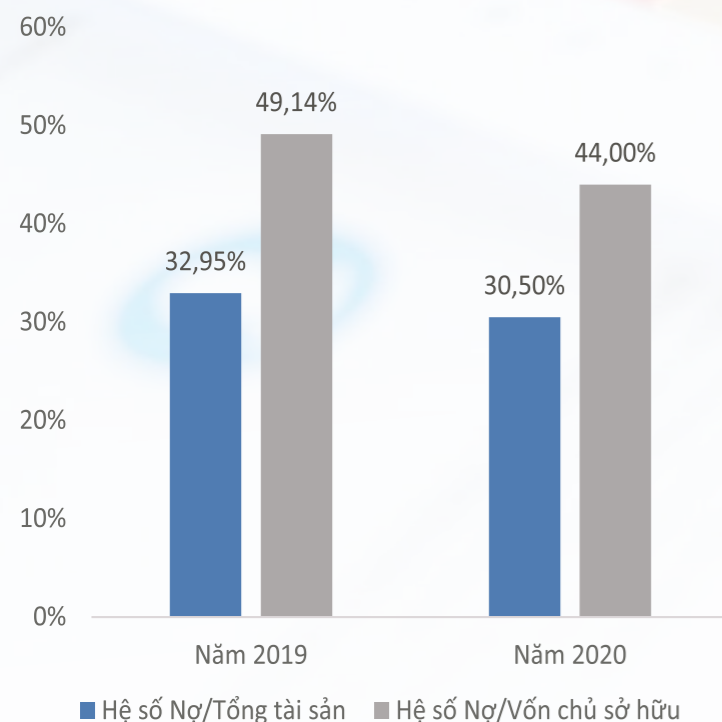
Công ty là đơn vị sản xuất điện năng nên lượng hàng tồn kho của DNH chủ yếu là các vật tư thiết bị dùng để phục vụ cho công tác sửa chữa thường xuyên của ba nhà máy Đa Nhim, Hàm Thuận, Đa Mi. Giá trị hàng tồn kho của Công ty trong năm giảm khiến chỉ số vòng quay hàng tồn kho tăng từ 12,94 vòng lên 13,59 vòng so với cùng kỳ năm trước. Mặt khác, do doanh thu thuần trong năm 2020 giảm làm cho vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,24 vòng xuống 0,19 vòng.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

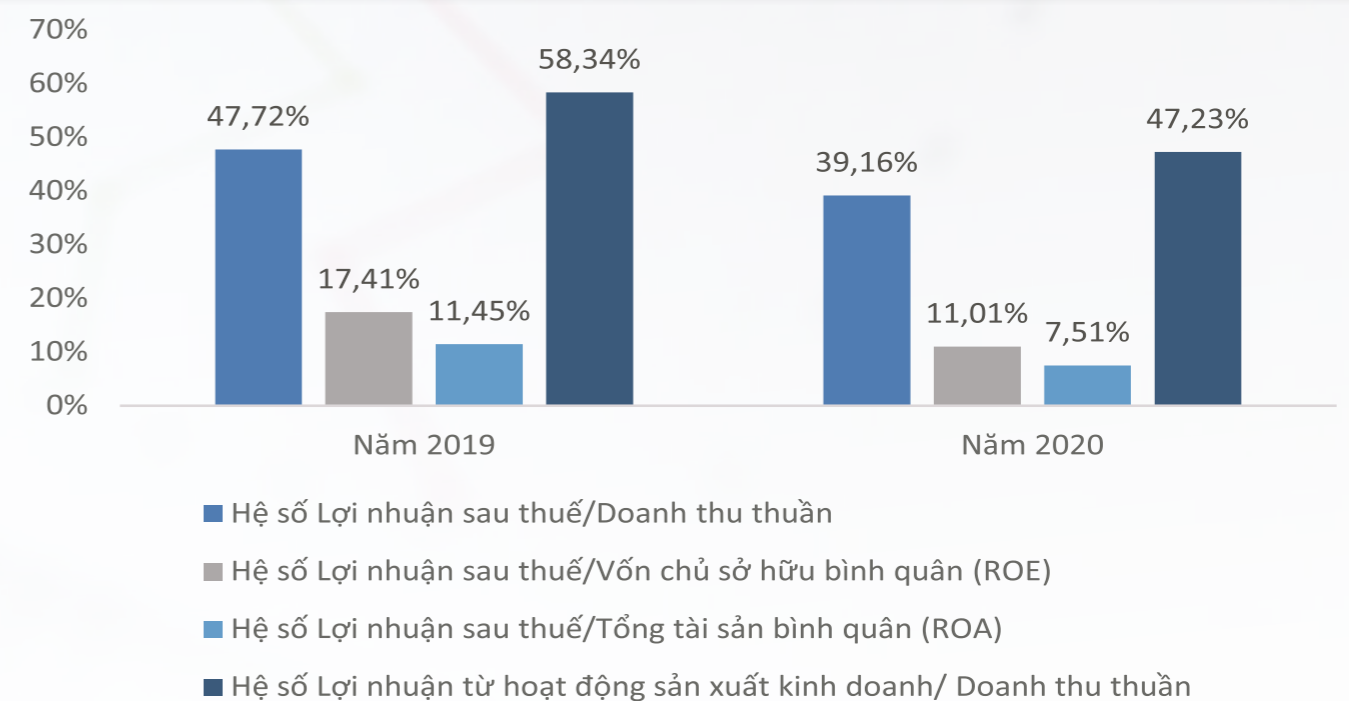
Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu có chuyển biến tích cực hơn so với năm 2019, được đánh giá là tỷ lệ an toàn đối với các doanh nghiệp cùng ngành. Nguyên nhân là do tổng nợ phải trả của doanh nghiệp giảm gần 500 tỷ đồng trong năm 2020, thu hẹp tỷ lệ nợ phải trả xuống hơn 16% so với đầu năm.

Theo đó, Công ty đã giảm cả vay nợ ngắn hạn và dài hạn - bao gồm khoản vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (số 01/2013/EVN/TCKT), khoản vay từ Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) theo Hợp đồng cho vay giữa ADB và DNH, ưu tiên sử dụng nguồn lực tự có để hạn chế gánh nặng chi phí lãi vay. Các khoản vay dài hạn chủ yếu được dùng để đầu tư vào các dự án nâng cấp và mở rộng nhà máy. Tổng thể, bộ chỉ số cơ cấu nguồn vốn của Công ty có sự thay đổi khả quan, phản ánh năng lực của Công ty khi sử dụng vốn chủ và đòn bẩy tài chính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



Khả năng sinh lời

Bên cạnh tình hình đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, điều kiện thủy văn không thuận lợi cũng đã ảnh hưởng tiêu cực tới doanh thu và lợi nhuận sau thuế của ngành điện nói chung cũng như Công ty nói riêng. Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều không đạt được tỉ lệ như kỳ vọng do doanh thu trong năm của Công ty không hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Trong giai đoạn 2019-2020, chỉ số ROE giảm 6,26%, từ 17,41% xuống 11,15%; chỉ số ROA giảm 3,85%, từ 11,45% xuống 7,60%; tỉ suất lợi nhuận biên giảm 8,09%, từ 47,72% xuống 39,63%. Tuy nhiên, đây là diễn biến chung của nền kinh tế trong và ngoài nước khi dịch Covid-19 chưa được kiểm soát hoàn toàn cũng như biến đổi khí hậu ngày càng khắc nghiệt hơn.



Cơ cấu cổ đông

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 422.400.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	-	-	-	-
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	1	422.103.100	4.221.031.000.000	99,90%
3	Cổ đông cá nhân	110	294.200	2.942.000.000	0,10%
II	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	-	-	-	-
1	Cá nhân	3	2.200	22.000.000	0,00%
2	Tổ chức	1	500	5.000.000	0,00%
III	CỔ PHIẾU QUỸ	-	-	-	-
Tổng cộng		115	422.400.000	4.224.000.000.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

Trách nhiệm với môi trường & cộng đồng

Quản lý nguồn nguyên liệu

Đặc thù của nhà máy thủy điện là sử dụng chiều cao cột nước (thế năng) để sản xuất điện năng nên nguyên vật liệu chính là nguồn nước. Sau khi được sử dụng để phát điện, nguồn nước được trả về lại với tự nhiên. Ngoài ra, trong quá trình vận hành Công ty có phát sinh nguồn vật tư thiết bị phục vụ công tác duy tu, sửa chữa. Việc sử dụng vật tư thiết bị được Công ty quản lý sử dụng một cách tiết kiệm hiệu quả trong sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi nhuận cao nhất.

Tiêu thụ nước

Trong quý IV năm 2020, Công ty sử dụng nguồn nước từ thượng nguồn sông Đồng Nai và sông La Ngà để sản xuất được 2.571 triệu kWh. Với hệ thống nhóm nhà máy thủy điện bậc thang, NMTĐ Sông Pha và NMTĐ Đa Mi là bậc thang dưới nên tận dụng thủy năng của nguồn nước xả sau khi chạy máy NMTĐ Đa Nhim và NMTĐ Hàm Thuận với tỷ lệ tái sử dụng nước là 100%. Đồng thời, vì hạ lưu của các nhà máy là những khu vực có lượng mưa thấp so với cả nước, Công ty luôn nhận thức sự quý giá của nguồn nước đến hoạt động kinh doanh của Công ty và môi trường sống.

Công ty thường xuyên nhắc nhở CBCNV sử dụng nước đúng mục đích và nêu cao ý thức tiết kiệm trong toàn Công ty. Các năm sắp tới, Công ty tiếp tục sắp xếp kế hoạch sử dụng khoa học để giảm tiêu hao nước; tăng năng suất hoạt động từ đó giảm tiêu hao nước. Đồng thời thiết kế hệ thống cấp nước hoàn chỉnh, hệ thống xử lý nước đạt chuẩn và tái sử dụng nguồn nước một cách hiệu quả.



Tiêu thụ năng lượng

Các trang thiết bị điện trong các phòng ban khi không có người làm việc ở trong phòng đều phải tắt hết điện; máy photocopy, máy in chỉ được sử dụng cho công việc của cơ quan, không được dùng cho việc riêng cá nhân; khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong sản xuất, giữ gìn cảnh quang sạch đẹp tại các nhà máy thủy điện và văn phòng làm việc.

Trong năm, Công ty cũng luôn cập nhật các văn bản pháp luật liên quan, đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên, Công ty thường xuyên kết hợp với Đoàn thanh niên tổ chức các buổi tuyên truyền, hưởng ứng "Ngày Môi trường thế giới" góp phần cải thiện môi trường làm việc và sinh hoạt chung.

Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách tuyển dụng

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự:

- Việc tuyển dụng được thông báo công khai trên website của công ty, đến các nguồn cung ứng lao động bên ngoài và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đảm bảo tính công bằng, minh bạch, và bình đẳng cho mọi ứng viên phù hợp;
- Mỗi vị trí, chức danh công việc thuộc các ngành nghề tuyển dụng phù hợp với nhu cầu tuyển dụng đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng và được thực hiện theo đúng Quy trình tuyển dụng của Tổng công ty.

Chính sách đào tạo

- Với phương châm đào tạo phải gắn liền với mục tiêu, chiến lược phát triển của Tổng công ty và các đơn vị, trong giai đoạn 2015 - 2020, Tổng công ty đã tổ chức các khóa đào tạo để củng cố nâng cao năng lực về quản trị, chuyên môn, nghiệp vụ. Các chương trình đào tạo chuyên sâu định hướng phát triển chuyên gia và nhiều chương trình đào tạo các chức danh vận hành, sửa chữa;
- Trong năm 2020, Công ty sẽ kiện toàn công tác bồi dưỡng, thi và sát hạch nghề theo quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Quyết định số 694/QĐ-EVN ngày 22/7/2016. Trong đó, Tổ phụ trách công tác đào tạo sẽ tham mưu lập chương trình đào tạo, đề cương, đáp án và quy định tiêu chí đối với cán bộ phụ trách kèm cặp công nhân thi nâng bậc;
- Để tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo năm 2020, Công ty đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ. Tổ phụ trách đào tạo cùng các đơn vị trong Công ty chuẩn bị bài giảng theo hình thức E-Learning trong công tác đào tạo nội bộ. Các chuyên đề giảng dạy sẽ được chia sẻ và tham khảo thêm của các đơn vị bạn trong ngành điện để ngày càng hoàn thiện hơn, đáp ứng nhu cầu đào tạo thực tế tại Công ty.

Chính sách lương thưởng và phúc lợi cho người lao động

- Được hưởng các chế độ phúc lợi theo Quy định của Công ty, bao gồm thưởng các ngày lễ theo quy định của Công ty, hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo Luật của nhà nước và Công ty;
- Được hỗ trợ nhà ở và xe đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại; có các hỗ trợ khác như: Ăn trưa, chi phí điện thoại, chi phí công tác, phụ cấp chức vụ....
- Thời giờ làm việc, nghỉ ngơi: Theo chế độ ca, kíp và quy định của EVN và của nhà máy;
- Được làm việc trong môi trường năng động, có nhiều cơ hội để phát triển bản thân.



Báo cáo liên quan đối với trách nhiệm cộng đồng địa phương

Trong nhiều năm qua, Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn địa phương trong việc chia sẻ thông tin vận hành hồ chứa và vận động tuyên truyền người dân canh tác nông nghiệp đảm bảo hành lang thoát lũ cho công trình. Trong năm 2020, Công ty đã hỗ trợ huyện Đơn Dương kinh phí để trang bị thêm trang thiết bị phục vụ công tác phòng chống lụt bão và thực hiện xã hội hóa giáo dục, góp phần cải thiện ngày càng tốt hơn điều kiện sinh hoạt và học tập của người dân địa phương.

Ngoài ra, mỗi độ tết đến, xuân về, lãnh đạo Công ty, Công đoàn và toàn thể CB.CNV Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi luôn chú trọng công tác chăm lo tết cho các hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng và Ninh Thuận. Với sự quan tâm, chăm lo kịp thời của tập thể Công ty, các gia đình nghèo có thêm điều kiện đón tết vui vẻ, đầm ấm và đậm nghĩa tình.



EVN HPC DHD

PHẦN III

**BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và
chính sách quản lý**

Kế hoạch phát triển trong tương lai

**Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm
về môi trường và xã hội của Công ty**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những khó khăn, thuận lợi năm 2020



Thuận lợi

- Là nhà máy lâu đời, có truyền thống trên 50 năm, NMTĐ Đa Nhim luôn tạo doanh thu ổn định và xây dựng được một thương hiệu bền vững trong thị trường điện Việt Nam;
- Giá điện hợp đồng thấp, có tính cạnh tranh cao, và luôn nằm trong nhóm 10 nhà máy có giá điện thấp nhất Việt Nam. Điều này cũng nói lên độ hiệu quả trong việc vận hành nhà máy điện khi chi phí sản xuất luôn được duy trì ổn định;
- Năng lực tài chính tốt, thể hiện qua các Báo cáo tài chính hằng năm. Công ty sở hữu nguồn vốn lớn, có tiềm lực tài chính dồi dào, đáp ứng được các nhu cầu xây dựng, sửa chữa, và nâng cấp; thuận lợi trong việc đầu tư các dự án chiến lược trung và dài hạn;
- Năng lực sản xuất của các nhà máy thủy điện cao, luôn nằm trong top 10 các nhà máy có lượng sản xuất lớn. Sản lượng điện sản xuất trung bình của các nhà máy gồm 13 tổ máy và 1 nhà máy điện mặt trời hằng năm cung ứng ra thị trường khoảng 2,7 tỷ kWh.
- Nền công nghiệp quốc gia đang trên đà phát triển, vật tư, thiết bị sản xuất trong nước ngày càng được cải tạo, nâng cấp, góp phần tăng hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, nhu cầu sử dụng điện ngày càng nhiều, giá điện tăng dần, nên đây sẽ là động lực tăng trưởng cho ngành điện trong tương lai;
- Công ty nằm ở vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi. Các nhà máy được xây dựng ở những khu vực thiếu điện nên nhu cầu sử dụng điện rất cao. Các hồ chứa nằm trên những lưu vực có mùa mưa lệch nhau, duy trì độ ổn định sản lượng điện sản xuất của từng nhà máy.

Khó khăn

- Sản phẩm chủ lực của nhà máy thủy điện đến từ nguồn điện năng, chiếm tỉ trọng hơn 99% tổng doanh thu. Nhà máy chưa có nhiều sản phẩm đa dạng nên phần lớn lợi nhuận phụ thuộc vào lưu lượng nước về các hồ chứa;
- Văn hóa doanh nghiệp còn rất hình thức và rập khuôn, chưa có nhiều sự sáng tạo và mang tính đột phá. Công ty chưa xây dựng được những giá trị như đã cam kết, người lao động vẫn chưa dễ dàng hội nhập vào văn hóa doanh nghiệp;
- Do hiện tượng biến đổi khí hậu, tình hình thời tiết và thiên tai gần đây diễn biến bất thường và cực đoan. Khí hậu khô hạn kéo dài dẫn đến việc lưu lượng nước về các hồ chứa giảm mạnh, tác động trực tiếp tới hoạt động của ngành điện;
- Xu thế cạnh tranh ngày càng tăng cao do Chính phủ đã có cơ chế mở cửa đối với thị trường điện khi nhiều doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nước ngoài có thể tham gia thị trường điện bán buôn;
- Hiện tượng quá tải đường dây truyền tải và dư thừa công suất Nhà máy thủy điện Đa Nhim và nhà máy điện mặt trời giảm phát làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Về doanh thu

Doanh thu thuần của nhà máy là 1.686,11 tỷ đồng, đạt 90,71% so với kế hoạch đề ra trong năm; lợi nhuận từ HĐKD ghi nhận 796,35 tỷ đồng, đạt 103,74% so với kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt giá trị 660,34 tỷ đồng, đạt 63,04% so với năm 2019 và 107,53% kế hoạch năm. Những thành quả trên là điểm đáng ghi nhận đối với ban lãnh đạo của Công ty khi lèo lái con tàu DNH vượt qua một năm vô cùng cam go và thử thách. Hoàn thành vượt chỉ tiêu lợi nhuận năm 2020 chính là món quà xứng đáng dành cho các cấp lãnh đạo và tập thể CB-CNV đã nỗ lực hết mình cùng nhau đóng góp sức xây dựng DNH ổn định và vững mạnh trong năm vừa qua.

Về sản lượng điện

Sản lượng điện sản xuất của từng nhà máy trong năm 2020 (kWh). Tổng: 2.515.683.166 kWh, cụ thể:

+ **Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim MR.** Tổng: 1.191.979.592 kWh

- Đa Nhim: 907.631.130 kWh;

- Sông Pha: 44.612.841 kWh;

- Đa Nhim MR: 239.735.621 kWh.

+ **Hàm Thuận - Đa Mi.** Tổng: 1.252.205.765 kWh.

- Hàm Thuận: 779.692.498 kWh;

- Đa Mi: 472.513.267 kWh.

+ **Điện mặt trời Đa Mi:** 71.497.809 kWh.

Trong 07 tháng mùa cạn, sản lượng điện tại Nhà máy Thủy điện Đa Nhim giảm 118,82 triệu kWh do Nhà máy không được huy động để đưa hồ Đơn Dương về mực nước thấp nhất theo quy định. Trong các tháng mùa mưa, Nhà máy Thủy điện Đa Nhim giảm 75,36 triệu kWh do giảm phát trong giờ cao điểm sáng do quá tải đường dây truyền tải khu vực tỉnh Ninh Thuận. Bên cạnh đó, Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi giảm phát 418.000 kWh do hệ thống thừa công suất. Kết quả, toàn Công ty sản xuất được 2.515,7/2.571,1 triệu kWh, đạt 97,85% kế hoạch sản lượng điện sản xuất.

Tuy gặp khó khăn bởi các yếu tố khách quan liên quan đến quá tải lưới điện khu vực tỉnh Ninh Thuận và thừa công suất tại khu vực tỉnh Bình Thuận, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật như tỉ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỉ lệ ngừng máy bảo dưỡng, tỉ lệ ngừng máy do sự cố... đều vượt kế hoạch. Trong đó, đáng chú ý là hệ số khả dụng là 98,14%, đạt 101,20% kế hoạch. Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, nhiệm vụ được đề ra trong năm 2020.



Về chi phí

- Tổng chi phí thực hiện (không bao gồm lỗ chênh lệch tỷ giá) là 1.016 tỷ đồng, đạt 94,1% so với kế hoạch.

- Các khoản mục chi phí tăng khoảng 5,497 tỷ đồng, chủ yếu là các chi phí liên quan đến Nhà máy điện mặt trời Đa Mi do trong năm đầu hoạt động nên kế hoạch chi phí chưa chính xác như chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kênh truyền, chi phí điện tự dùng...

- Các khoản mục giảm chi phí như:

- Các khoản mục chi phí giảm khoảng 62,266 tỷ đồng:

- Chi phí khấu hao giảm 13,058 tỷ đồng do các hạng mục còn lại của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi nghiệm thu thanh quyết toán chậm so với dự kiến và các hạng mục mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng vào cuối năm 2020 nên trích khấu hao ít hơn kế hoạch; Chi phí lãi vay giảm 20,580 tỷ đồng do tỷ giá đồng JPY và USD không tăng so với dự kiến và hợp đồng vay Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi trả nợ trước hạn nên chi phí lãi vay giảm;
- Chi phí sửa chữa lớn (SCL) giảm 9,799 tỷ đồng, chi phí vật liệu phụ giảm 358 triệu đồng do tiết giảm chi phí;
- Chi phí thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng giảm 10,478 tỷ đồng do sản lượng điện thực hiện giảm so với kế hoạch;

- Các khoản làm tăng/giảm giá thành điện: Lỗ chênh lệch tỷ giá là 28,283 tỷ đồng, Công ty đã hạch toán toàn bộ vào chi phí tài chính trong kỳ.

Về các khoản làm tăng/giảm giá thành điện

- Các khoản làm tăng/giảm giá thành điện: Lỗ chênh lệch tỷ giá là 28,283 tỷ đồng, Công ty đã hạch toán toàn bộ vào chi phí tài chính trong kỳ.

- Trong năm 2020, Bộ Công Thương ban hành Văn bản số 2698/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020 và Văn bản số 8764/ BCT-ĐTĐL ngày 18/12/2020 hướng dẫn triển khai thực hiện giảm giá bán điện, giảm tiền điện cho các khách hàng sử dụng điện trong bối cảnh tác động của dịch COVID-19. Điều này khiến giá thành điện giảm, làm giảm doanh thu của Công ty trong thời gian Công văn có hiệu lực (quý II và quý IV/2020).



Tình hình tài chính

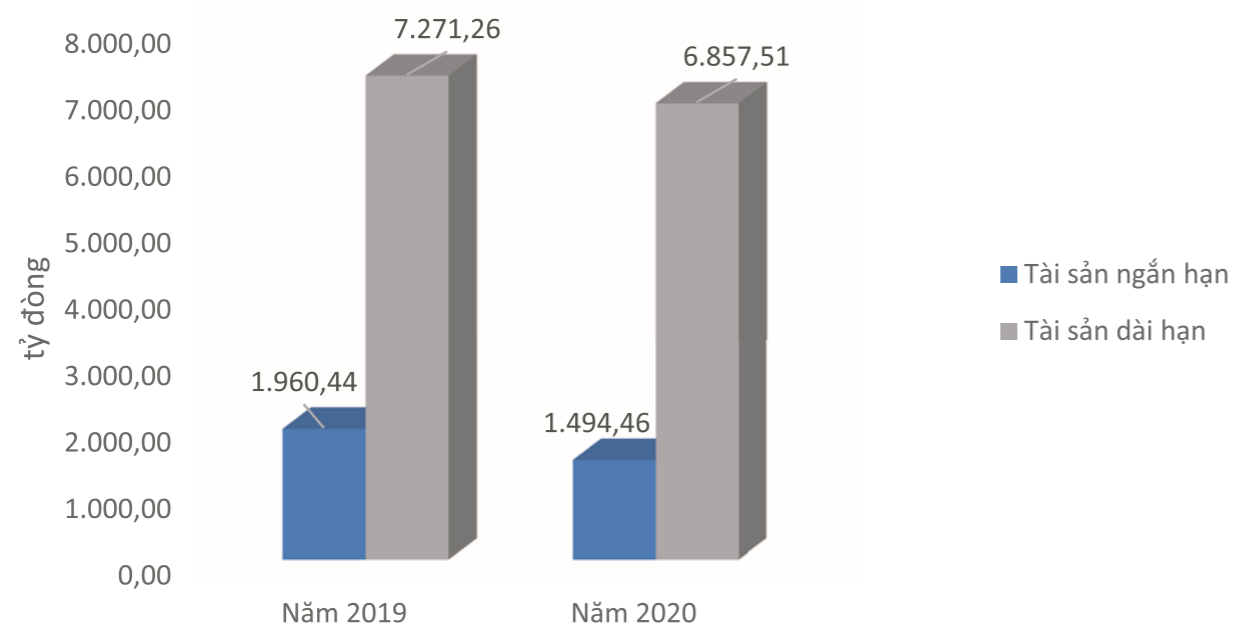
Tình hình tài sản

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	%Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	1.960,44	21,24%	1.494,46	17,89%	-23,77%
Tài sản dài hạn	7.271,26	78,76%	6.857,51	82,11%	-5,69%
Tổng tài sản	9.231,70	100	8.351,97	100,00%	-9,53%

Tài sản dài hạn của Công ty chiếm hơn 80% trong Tổng tài sản, phản ánh đúng đặc thù của doanh nghiệp thủy điện khi phần lớn tài sản của Công ty nằm trong các tài sản cố định như công trình, máy móc, thiết bị. So với năm 2019, tài sản dài hạn năm 2020 đạt giá trị 6.857,51 tỷ đồng, giảm 5,69% so với cùng kỳ. Nguyên nhân cho sự thay đổi trên chủ yếu đến từ việc trích khấu hao tài sản cố định hơn 250 tỷ đồng năm 2020.

Tính đến cuối năm 2020, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 1.494,46 tỷ đồng, giảm hơn 23,77% so với năm 2019. Nguyên nhân bởi vì phần lớn tiền và các khoản tương đương tiền giảm gần 600 tỷ đồng do Công ty giảm số tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại Ngân hàng để trả cổ tức và các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả.



Tình hình nợ phải trả

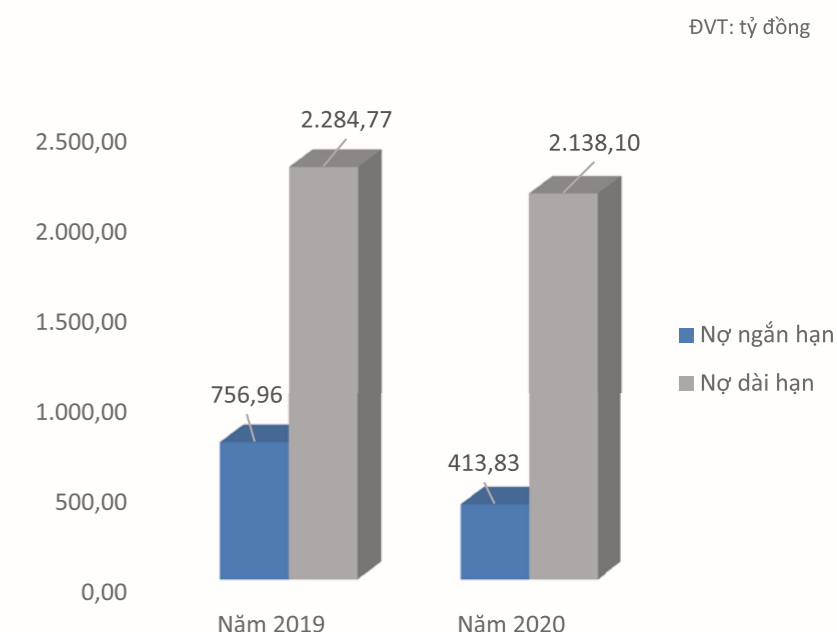
ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Tỷ trọng	Năm 2020	Tỷ trọng	%Thay đổi
Nợ ngắn hạn	756,96	24,89%	413,83	16,20%	-45,33%
Nợ dài hạn	2.284,77	75,11%	2.138,10	83,78%	-6,42%
Tổng nợ phải trả	3.041,73	100,00%	2.551,93	100,00%	-16,10%






Cơ cấu nợ vay của Công ty trong năm 2020 có sự thay đổi đáng kể khi tỷ trọng nợ dài hạn tăng hơn 8% so với năm 2019, chiếm 83,78% tổng nợ phải trả. Đây là đặc thù của ngành điện nói chung và thủy điện nói riêng do phần lớn nợ vay được dùng cho công tác xây dựng, mua sắm tài sản như vật tư thiết bị, dịch vụ tư vấn và giám sát xây dựng cần thiết cho việc xây dựng, nâng cấp nhà máy điện và hệ thống điện lưới. Công ty hầu như sử dụng vốn vay ODA để tài trợ cho các dự án trên trong quá trình vận hành và sản xuất. Trong năm 2020, nợ dài hạn của Công ty là 2.138,10 tỷ đồng, giảm 6,42% so với năm 2019, nguyên nhân do Công ty đã hoàn tất chi trả các khoản nợ vay đến hạn trả.

Tại thời điểm cuối năm, Công ty ghi nhận khoảng 165 tỷ đồng từ nợ vay dài hạn do hạn trả dưới 1 năm đồng thời thực hiện hoàn trả khoản vay giá trị hơn 500 tỷ đồng bao gồm thanh toán các khoản vay ODA, các khoản vay từ hệ thống ngân hàng, dẫn tới nợ ngắn hạn của Công ty giảm 45,33% so với năm 2019, đạt 413,83 tỷ đồng năm 2020.

Nhìn chung, tình hình nợ phải trả trong năm 2020 của Công ty có xu hướng giảm so với năm trước. Điều này sẽ giúp Công ty giảm chi phí lãi vay cũng như kiểm soát nguồn vốn một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách - quản lý

-  Ký kết quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại các công ty thủy điện.
-  Hướng ứng phong trào tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng.
-  Xây dựng quy định vận hành quản lý các hồ chứa thủy điện, thủy lợi, tăng năng suất hoạt động và sản lượng điện sản xuất.
-  Hoàn thiện mô hình quản lý doanh nghiệp, hệ thống quản trị Công ty, hoàn thiện và thực thi văn hóa doanh nghiệp.
-  Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược và văn hóa của Công ty.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu tổng quát:

- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị các nhà máy Đa Mi, Đa Nhim và Sông Pha;
- Tự động hóa hoàn toàn, hướng đến vận hành không người trực tại Nhà máy Thủy điện Sông Pha và lập bản đồ vật tư kết nối với phần mềm PMIS để tối ưu hóa công tác quản lý vật tư;
- Thi công hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và phát điện tổ máy H5 với công suất 80MW trong quý III/2021; quyết toán Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi trong năm 2020.

Nhiệm vụ

Chú trọng nâng cao chất lượng công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và các tổ máy phát điện, đảm bảo sẵn sàng cung cấp điện theo yêu cầu vận hành của thị trường;

Thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, kinh doanh và đầu tư;

Nghiên cứu, phát triển và áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý và sản xuất kinh doanh, tăng năng suất lao động, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn;

Phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng công tác đào tạo và đào tạo lại, thực hiện chính sách thu hút nhân tài;

Hoàn thành các mục tiêu được đề ra trong năm 2021.

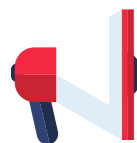


Giải pháp thực hiện



Biện pháp triển khai:

- Nghiên cứu, sửa chữa hệ thống thiết bị, công trình.
- Tăng cường hoạt động đào tạo nội bộ tại đơn vị; thảo luận xây dựng kế hoạch, giải pháp.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh; phát huy tinh thần sáng tạo trong đổi mới khoa học, công nghệ, ứng dụng CNTT trong điều hành, quản trị tại tất cả các phòng ban trong Công ty.



Tăng cường kỷ luật trong quản lý vận hành và quản lý kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện ở trạng thái sẵn sàng tham gia phát điện; đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản lượng điện, hoàn thành các chỉ tiêu kỹ thuật, tài chính đề ra:

- Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác các sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan.
- Nâng cao chất lượng sửa chữa lớn, nâng cấp, thay thế thiết bị từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình.
- Tích cực tham gia thị trường điện, thực hiện chào giá hiệu quả nhằm tăng thêm doanh thu từ thị trường điện.
- Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2021.



Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và Phòng chống thiên tai & Tìm kiếm cứu người (PCTT&TKCN); bảo đảm trật tự, an ninh khu vực

- Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác PCTT&TKCN hàng năm.
- Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.
- Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, sửa đổi và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc theo yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định của ngành và pháp luật hiện hành. Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.



Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị của Công ty

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, có năng lực giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực khó và mới.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.



Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; tối ưu hóa chi phí theo chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong bảo dưỡng sửa chữa.
- Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi qua mạng, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị (VTTB).
- Sử dụng hiệu quả VTTB tồn kho.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021

ĐVT: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu thuần	1.702
2	Lợi nhuận từ HĐKD	669
3	Lợi nhuận trước thuế	669
4	Lợi nhuận sau thuế	535

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Bảo vệ môi trường luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty trong mọi phương hướng kế hoạch hoạt động hằng năm. Công ty luôn hướng đến các hoạt động sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường thông qua việc phổ biến, tuyên truyền với các cấp lãnh đạo, CB-CNV, và người dân địa phương. Tổ chức các buổi hội thảo, qua đó thảo luận, đề xuất các biện pháp cải thiện công tác bảo vệ môi trường và xử lý chất thải ngày càng tốt hơn. Công ty tổ chức phân loại chất thải không chỉ trong khu vực sản xuất kinh doanh mà còn tại các khu nhà trực vận hành để từng CB/CNV và người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở. Đối với các tồn tại, khiếm khuyết trong quá trình xây dựng ảnh hưởng đến môi trường, Phòng Kỹ thuật và An toàn ghi nhận, lập kế hoạch để triển khai trong thời gian sớm nhất có thể.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng là một chính sách nhất quán thể hiện mối quan hệ tương thân tương ái giữa doanh nghiệp và địa phương. Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi luôn chú trọng công tác chăm lo tết cho các hộ nghèo, cận nghèo trên tại địa phương. Những món quà, suất hỗ trợ được Công ty gửi tặng luôn là niềm động viên, giúp các hộ dân đang còn khó khăn đón tết thêm đầm ấm, an vui.

Vào những ngày cuối năm Kỷ Hợi, đoàn công tác của Công ty do ông Diệp Chí Hiếu - Chủ tịch Công đoàn và Đoàn Cơ sở đã đến thăm và trao quà Tết cho các gia đình, hộ nghèo trên địa bàn các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng và Ninh Thuận. Trong chuyến công tác này, đoàn công tác đã trao tổng cộng 655

phần quà cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Tại Bình Thuận, đoàn công tác đã trao 204 phần quà tại hai huyện Hàm Thuận Bắc và huyện Tánh Linh. Trong đó, 199 hộ gia đình tại xã Đa Mi và xã La Dạ, huyện Hàm Thuận Bắc và 5 hộ gia đình tại xã La Ngâu, huyện Tánh Linh nhận được quà Tết của Công ty.

Tại Ninh Thuận, đoàn công tác đã trao 210 phần quà cho các hộ gia đình và trẻ em nghèo thuộc xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn.

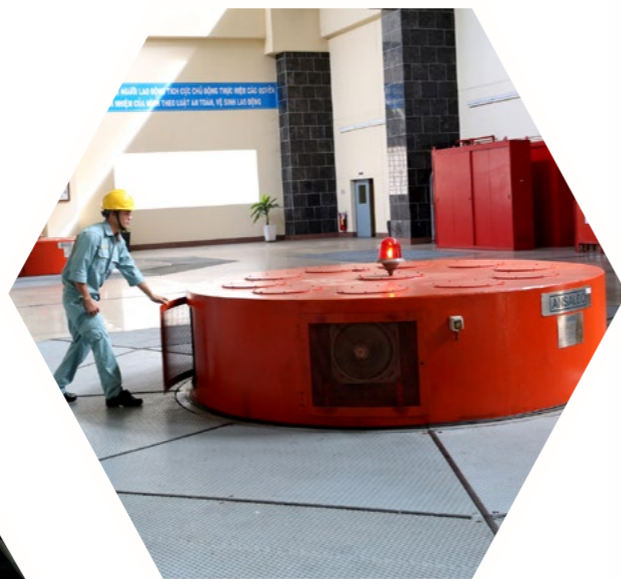
Tại Lâm Đồng, đoàn công tác đã trao tặng 241 phần quà cho các hộ gia đình thuộc thị trấn D'ran, huyện Đơn Dương và phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty coi con người là yếu tố trung tâm trong việc xây dựng và hình thành doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty luôn đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc, phối hợp với Công đoàn để thực hiện tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho người lao động. Chăm lo đời sống tinh thần lẫn vật chất của người lao động cũng như tích cực tham gia quản lý, xây dựng mối quan hệ bền vững, hài hòa trong Công ty. Công ty luôn cung cấp đầy đủ các chế độ ưu đãi và thực hiện tốt việc chi trả lương, thưởng, cấp phát bảo hộ lao động theo đúng quy định, tham gia mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả CB-NV, và tổ chức khám sức khỏe định kỳ. Ngoài ra, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về công tác đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; kiểm tra, giám sát, chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, nguy cơ gây tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

Trước diễn biến phức tạp dịch bệnh Covid-19, Công ty đã trang bị bổ sung cho người lao động các vật

liệu y tế cần thiết như: Khẩu trang, nước diệt khuẩn; đồng thời tuyên truyền hướng dẫn người lao động sử dụng khẩu trang, cần rửa tay đúng cách, cập nhật tin tức của Bộ Y tế về tình hình dịch bệnh Covid-19 để phòng, tránh. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty tiến hành cách ly tập trung toàn bộ lực lượng vận hành và hơn 1/2 lực lượng nhân viên sửa chữa tại các nhà máy, nhà trực vận hành sửa chữa từ 13h00 ngày 30/3/2020; toàn bộ lực lượng này được chia nhỏ để hạn chế tiếp xúc và đảm bảo hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình vận hành, xử lý sự cố và những trường hợp cần thiết. Đối với CB.CNV có thể thực hiện công việc từ xa mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc, lãnh đạo đơn vị cho nhân viên thực hiện công việc tại nhà với yêu cầu báo cáo trưởng đơn vị công việc hàng ngày.





EVN HPC DHD

PHẦN IV

**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

**Đánh giá các mặt hoạt động của
Ban Tổng Giám đốc**

Kế hoạch của Hội đồng quản trị

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty



Hoạt động Sản xuất Kinh doanh:

Trong năm 2020 tình hình thủy văn không thuận lợi cùng diễn biến dịch Covid-19 diễn ra phức tạp dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt như kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên, dưới sự giám sát chỉ đạo của Ban lãnh đạo, DNH đã chủ động thực hiện điều tiết hồ chứa, khai thác triệt để lượng nước hồ để sản xuất điện, nhờ vậy kết quả hoạt động kinh doanh vẫn duy trì theo hướng tích cực trong giai đoạn khó khăn này. Đây là điều đáng khích lệ với Ban điều hành cùng các cấp quản lý đã nỗ lực trong việc giúp Công ty vận hành tốt thời gian qua.

Công tác đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển:

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ bổ sung quy hoạch Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim. Thi công hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và phát điện tổ máy H5 với công suất 80MW trong quý III/2021. Đối với Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi, kế hoạch giải ngân là 17.110 triệu đồng chủ yếu là thực hiện công tác bảo hành các gói thầu chính của Dự án và đánh giá hiệu suất nhà máy sau 1 năm vận hành; hoàn tất hồ sơ quyết toán các hạng mục còn lại và thực hiện quyết toán Dự án năm 2020.

Công tác chi trả cổ tức:

Là một Công ty cổ phần có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, việc duy trì ổn định và ngày càng phát triển các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, đáp ứng tỷ lệ chia cổ tức theo kỳ vọng cổ đông luôn là nhiệm vụ hàng đầu. Theo đó, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 đợt 1 bằng tiền với tỉ lệ thực hiện 14% (01 cổ phiếu được nhận 1.400 đồng) vào ngày thanh toán 22/02/2021. Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện tạm ứng và chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông hiện hữu theo chỉ đạo của HĐQT thông qua 3 đợt chi trả được thực hiện trong năm 2020. Tổng tỉ lệ cổ tức chia cho cổ đông là 24%.

Công tác cán bộ, nhân viên:

Cán bộ, công nhân viên được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ đãi ngộ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định trong Công ty. Được làm việc trong môi trường hòa đồng, thân thiện, và mang lại giá trị cho từng cá thể. Được đào tạo nghiệp vụ bài bản, có các chương trình xây dựng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo tính công bằng cho mọi đoàn thể cán bộ công nhân viên.





Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ dự án đầu tư và các hoạt động khác của đơn vị để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty được thể hiện như sau:

- Ban Tổng Giám đốc đã chủ động nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua thử thách để phát triển, tìm kiếm nhiều cơ hội về hoạt động đầu tư và xây dựng cho Công ty, duy trì bộ máy vận hành hoạt động ổn định và hiệu quả;
- Chấp hành nghiêm túc về việc thực hiện quy định pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết để tháo gỡ khó khăn trong công tác quản trị doanh nghiệp theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của phía Ban Kiểm soát;
- Tình hình tài chính về cơ bản đã được kiểm soát tương đối tốt, đặc biệt trong hoàn cảnh dịch Covid-19 bùng phát đầu năm 2020;
- Giám sát việc sử dụng và quản lý, đầu tư tài sản; giám sát triển khai việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định từ HĐQT;
- Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền, không gây ắc tách, cản trở, ảnh hưởng đến công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành của Công ty. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty, và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

Bên cạnh Ban điều hành và bộ máy giúp việc còn có các cán bộ, nhân viên quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực và tinh thần trách nhiệm với công việc. Trong Công ty có sự đoàn kết nội bộ và sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng đã tạo ra môi trường lành mạnh, chuyên nghiệp, thân thiện là tiền đề để giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.



“ CHÚNG TÔI CHỌN NĂNG LƯỢNG XANH ”

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Phương hướng hoạt động năm 2021

Tình hình chính trị, kinh tế xã hội năm 2020 có những thuận lợi cũng như nhiều thử thách, đặc biệt là tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn, ảnh hưởng chung tới nền kinh tế toàn cầu.

Năm 2021, Công ty sẽ tiếp tục giữ vững các hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước mở rộng sản xuất, tiếp tục duy trì cải tiến hệ thống để tăng khả năng cạnh tranh và mở rộng thị phần nội địa. Hội đồng quản trị xác định phương hướng hoạt động của Công ty như sau:

- Duy trì họp HĐQT định kỳ và bất thường để giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo Công ty hoạt động dựa trên tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Công ty. Xây dựng hình ảnh Công ty minh bạch, rõ ràng, thuận lợi trong công tác điều hành cũng như tăng sự tín nhiệm từ cổ đông.
- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được đề ra trong Nghị quyết ĐHCĐ năm 2021.
- Không ngừng cải tiến hệ thống quản trị theo hướng hiện đại, tiên tiến, điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao chất lượng điều hành cũng như giới hạn tối đa các chi phí phát sinh.
- Đầu tư cho công tác quản lý nhân sự, đào tạo; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực lao động để góp phần thúc đẩy Công ty phát triển lâu dài và bền vững.





EVNHPC DHD

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và lợi ích

Hội đồng quản trị

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%
2	Ông Lê Văn Quang	Thành viên HĐQT	4/4	100%
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT	4/4	100%

Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 1964

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ văn hóa : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thiết bị nhà máy điện

Quá trình công tác

- Từ 11/1985 đến 12/1992: Kỹ sư điện - NMTĐ Trị An
- Từ 01/1993 đến 6/1993: Đốc công Phân xưởng Cơ điện - NMTĐ Trị An
- Từ 9/1993 đến 12/1994: Kỹ sư điện - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 12/1994 đến 10/1995: Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 11/1995 đến 01/2000: Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 02/2000 đến 12/2000; Phó Giám đốc - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 01/2001 đến 8/2006: Giám đốc - NMTĐ Thác Mơ
- Từ 9/2006 đến 8/2007: Phó Trưởng ban QLDA NMTĐ Sơn La kiêm Trưởng ban CBSX NMTĐ Sơn La
- Từ 9/2007 đến 9/2011: Giám đốc - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
- Từ 10/2011 đến 6/2017: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- Từ 7/2017 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Ủy viên Hội đồng quản trị các Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha, Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình, Công ty cổ phần Thủy điện A Vương.

Số cổ phần đại diện: 189.946.395 cổ phiếu chiếm 45% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu: 400 cổ phiếu

Ông Lê Văn Quang - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành trang....

Ông Đỗ Minh Lộc - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành trang...

Danh sách Nghị quyết của HĐQT đã ban hành 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-TĐĐHĐ	3/1/2020	Về việc áp dụng biện pháp thi công khoan nổ trong Thiết kế kỹ thuật cho đoạn hầm còn lại từ lý trình Km0+077,10 đến Km1+006,15 Công trình mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
2	02/NQ-TĐĐHĐ	6/1/2020	Về việc chi trả cổ tức năm 2019 đợt 1
3	03/QĐ-TĐĐHĐ	7/1/2020	Về việc áp dụng biện pháp thi công khoan nổ trong Thiết kế kỹ thuật cho đoạn hầm còn lại từ lý trình Km0+077,10 đến Km1+006,15 Công trình mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
4	11/QĐ-TĐĐHĐ	4/2/2020	Về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
5	14/NQ-TĐĐHĐ	11/2/2020	Về việc thông qua Phụ lục E của hợp đồng số 53/2016/HĐTV-TĐĐHĐ-TVĐ2 Gói thầu: Mô tả địa chất hố móng Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
6	15/QĐ-TĐĐHĐ	11/2/2020	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thẩm tra Thiết kế kỹ thuật bổ sung cập nhật
7	20/QĐ-TĐĐHĐ	18/02/2020	Về việc phê duyệt tiền nhân công quyết toán sửa chữa lớn tự làm năm 2019
8	21/NQ-TĐĐHĐ	18/02/2020	Về việc chi trả cổ tức năm 2019 đợt 2
9	22/QĐ-TĐĐHĐ	20/02/2020	Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2019
10	23/QĐ-TĐĐHĐ	25/02/2020	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Dự toán "Các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định và đầu tư phát triển năm 2020" - Đợt 1
11	27/NQ-TĐĐHĐ	5/3/2020	Về việc thế chấp hợp đồng tiền gửi để vay ngắn hạn chi trả cổ tức năm 2019 đợt 2 cho Tổng công ty Phát điện 1
12	28/NQ-TĐĐHĐ	6/3/2020	Về việc thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020

Danh sách Nghị quyết của HĐQT đã ban hành 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
13	33/QĐ-TĐĐHĐ	10/3/2020	Về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ Thiết kế kỹ thuật bổ sung cập nhật và Dự toán chi phí thi công khoan nổ Hạng mục: Đoạn hầm dẫn nước còn lại (929m hầm chuyển từ đào bằng TBM sang thực hiện bằng khoan nổ) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
14	35/QĐ-HĐQT	20/3/2020	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu "Cung cấp xe ô tô các loại" thuộc các gói thầu đầu tư phát triển năm 2020
15	36/QĐ-TĐĐHĐ	26/3/2020	Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật (bổ sung cập nhật) và Dự toán chi phí thi công khoan nổ Hạng mục: Đoạn hầm dẫn nước còn lại (929m hầm chuyển từ đào bằng TBM sang thực hiện bằng khoan nổ) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
16	39/NQ-TĐĐHĐ	31/3/2020	Về việc cho Tổng công ty Phát điện vay ngắn hạn để khắc phục tình trạng khó khăn trong việc cân đối dòng tiền, đảm bảo vốn SXKD điện 6 tháng mùa khô năm 2020
17	40/NQ-TĐĐHĐ	31/3/2020	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2019 đợt 3
18	41/NQ-TĐĐHĐ	31/3/2020	Về việc thông qua dự thảo Hợp đồng huy động vốn với Tổng công ty Phát điện 1 để khắc phục tình trạng khó khăn trong việc cân đối dòng tiền, đảm bảo vốn SXKD điện 6 tháng mùa khô năm 2020.
19	47/NQ-HĐQT	13/4/2020	Về việc thay đổi kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
20	50/NQ-HĐQT	15/4/2020	Về việc thông qua Báo cáo quyết toán Dự án công trình thủy điện Hạ Sông Pha 1&2
21	54/QĐ-TĐĐHĐ	17/4/2020	Về việc thành lập Tổ Thẩm tra quyết toán Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
22	55/NQ-TĐĐHĐ	23/4/2020	Về việc thế chấp Hợp đồng tiền gửi để vay ngắn hạn chi trả cổ tức năm 2019 đợt 3 cho Tổng công ty Phát điện 1
23	66/NQ-HĐQT	18/5/2020	Về việc thông qua Hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 01 và Hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 10
24	67/NQ-HĐQT	18/5/2020	Về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm lại Trưởng, Phó các đơn vị trong Công ty

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
25	69/NQ-HĐQT	21/5/2020	Về việc thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
26	78/NQ-TĐĐHĐ	26/5/2020	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
27	79/NQ-HĐQT	26/5/2020	Về việc chi trả cổ tức năm 2019 đợt cuối
28	81/NQ-HĐQT	27/5/2020	Về việc thông qua Quỹ tiền lương quyết toán thực hiện năm 2019 của Người lao động
29	85/NQ-HĐQT	3/6/2020	Về việc thông qua Phụ lục số 08 công tác thay đổi biện pháp và chi phí thi công đoạn hầm dẫn nước 929,05m còn lại (chuyển từ đào bằng TBM sang thực hiện bằng khoan nổ) của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
30	87/NQ-HĐQT	17/6/2020	Về việc thông qua Báo cáo xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha năm 2020
31	93/NQ-HĐQT	21/6/2020	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - Công ty cổ phần Thủy điện A Vương
32	96/NQ-HĐQT	3/7/2020	Về việc thông qua Quy chế phân phối lương sản xuất điện
33	98/QĐ-HĐQT	6/7/2020	Về việc ban hành Quy chế phân phối lương sản xuất điện
34	110/NQ-HĐQT	30/7/2020	Về việc bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ, giao phụ trách các đơn vị trong Công ty

Danh sách Nghị quyết của HĐQT đã ban hành 2020

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
35	111/NQ-HĐQT	30/7/2020	Về việc thông qua định mức sửa chữa thiết bị phụ không theo khối Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
36	112/QĐ-TĐĐHĐ	31/7/2020	Về việc ban hành định mức sửa chữa thiết bị phụ không theo khối Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
37	122/QĐ-HĐQT	14/8/2020	Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
38	125/NQ-HĐQT	24/8/2020	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 - Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình
39	127/NQ-HĐQT	28/8/2020	Về việc bổ nhiệm lại cán bộ trong Công ty
40	130/NQ-HĐQT	10/9/2020	Về việc thông qua Quy chế sử dụng quỹ phúc lợi
41	135/QĐ-HĐQT	7/10/2020	Về việc ban hành lần 3 Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng
42	138/NQ-TĐĐHĐ	13/10/2020	Về việc thông qua kết quả thương thảo trước khi ký kết hợp đồng Gói thầu "Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận".
43	139/NQ-HĐQT	16/10/2020	Về việc ký Phụ lục số 3 của Hợp đồng số 12/DHD-NARIME&CO-MA ngày 15/01/2016 của gói thầu số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công thuộc Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
44	140/NQ-HĐQT	19/10/2020	Về việc bổ nhiệm cán bộ trong Công ty
45	141/NQ-HĐQT	20/10/2020	Về việc thông qua Phụ lục số 05 của Hợp đồng số 115/DHD-ARIME&QIHUA ngày 29/5/2018 về việc thực hiện gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
46	143/NQ-HĐQT	21/10/2020	Về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 7 của Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL and AHF ngày 21/11/2016 thuộc Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
47	144/QĐ-HĐQT	29/10/2020	Về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự toán xây dựng công trình các khối lượng bổ sung của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09/12/2015 để thực hiện gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính thuộc Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
48	145/QĐ-HĐQT	2/11/2020	Về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình các khối lượng bổ sung - lần 1 chưa có đơn giá trong Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09/12/2015 để thực hiện gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính thuộc Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim
49	146/NQ-HĐQT	4/11/2020	Về việc thông qua Phụ lục số 9 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09/12/2015 để thực hiện gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính, Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.
50	151/QĐ-HĐQT	15/11/2020	Về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi
51	155/QĐ-HĐQT	19/11/2020	Về việc ban hành lần 3 Quy chế nâng lương
52	157/NQ-HĐQT	27/11/2020	Về việc thông qua Phụ lục số 03 của Hợp đồng số 126/2018/EPC/TĐĐHĐ-PCC1+AIT+ATS ngày 21/6/2018 để thực hiện gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi
53	161/QĐ-HĐQT	21/12/2020	Về việc phê duyệt danh mục và nguồn vốn mua sắm tài sản cố định năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
54	164/NQ-HĐQT	29/12/2020	Về việc phê duyệt khối lượng, dự toán bổ sung và điều chỉnh giá Hợp đồng số 126/2018 /EPC/ TĐĐHĐ-PCC1+AIT+ATS ngày 21/6/2018 để thực hiện gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV, Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi

Hoạt động của Hội đồng quản trị

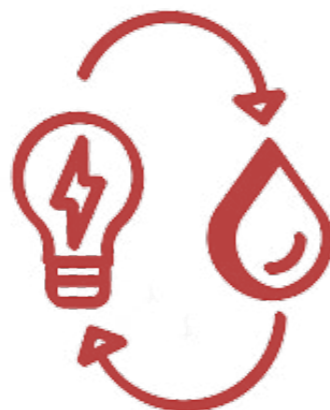
Ban kiểm soát



HĐQT CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại thời điểm 31/12/2020 gồm có 03 thành viên bao gồm Chủ tịch HĐQT, 2 Thành viên HĐQT trong đó 1 thành viên kiêm chức vụ Tổng Giám đốc, 1 thành viên kiêm chức vụ Phó Tổng Giám đốc. Trong năm 2020, HĐQT DNH đã tiến hành các hoạt động giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Về quy trình vận hành, HĐQT tiến hành xây dựng hệ thống văn bản quản lý và vận hành căn cứ trên Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty; áp dụng thống nhất và rà soát, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ.
- Trong năm 2020, HĐQT đã tuân thủ luật pháp, quy định và thực hiện đúng trách nhiệm trong công tác chỉ đạo Ban điều hành Công ty hoàn thành mục tiêu trên cơ sở chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Cập nhật những quy định mới thường xuyên, như Luật Chứng khoán 2019 hay Luật Doanh nghiệp 2020, để đảm bảo Công ty vận hành ổn định, phù hợp với môi trường pháp lý hiện hành.
- Bên cạnh đó, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Công ty trong việc chấp hành nghiêm chỉnh công tác An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, và Bảo vệ môi trường tại các nhà máy điện, văn phòng làm việc và nhà trực vận hành tại khu vực Đa Nhim - Sông Pha, Hàm Thuận - Đa Mi.



Thành viên ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ngô Thế Long	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Hoàng Văn Long	Kiểm soát viên	2/2	100%
3	Bùi Thị Thu Trang	Kiểm soát viên	2/2	100%

Ông Ngô Thế Long - Trưởng ban Kiểm soát

Năm sinh : 1980

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- Từ 4/2004 - 10/2009: Nhân viên kế toán Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Từ 10/2009 - 6/2016: Phó phòng TCKT Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

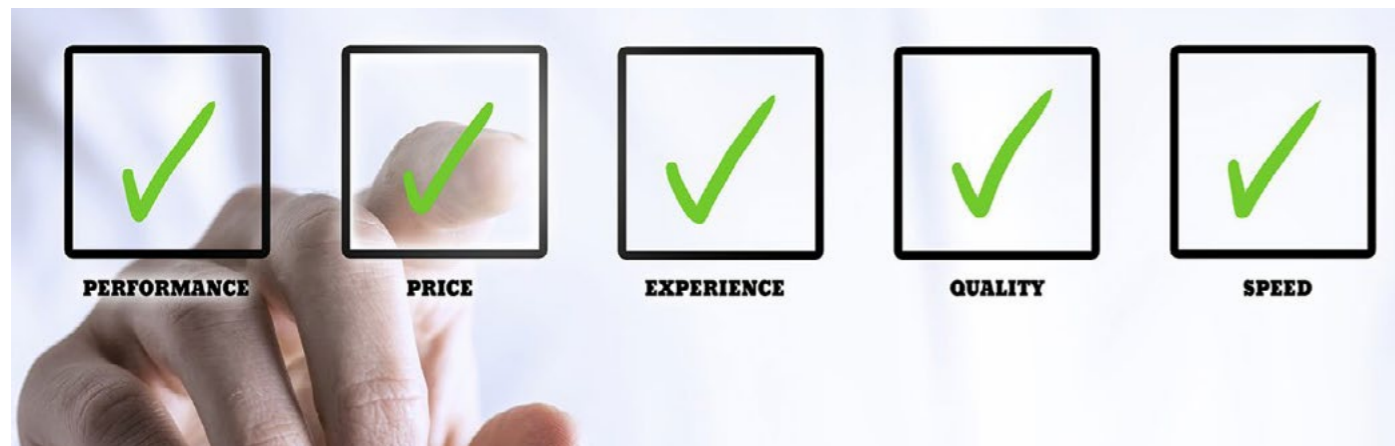
- Từ 06/2016 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại Công ty : Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác : Thành viên ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Ông Hoàng Văn Long - Kiểm soát viên**Năm sinh** : 1980**Quốc tịch** : Việt Nam**Trình độ chuyên môn** : Cử nhân Kinh tế**Quá trình công tác**

- Từ 3/2002 đến 4/2010: Nhân viên tiếp nhận vật tư, nhân viên kỹ thuật, kỹ thuật thi công, Công ty Lắp máy 69-1 nay là CTCP LILAMA 69-1 (Đại Phúc - Bắc Ninh)
- Từ 5/2010 đến 6/2012: Công nhân kỹ thuật - Phân xưởng Cơ nhiệt - Công ty Nhiệt điện Uông Bí.
- Từ 7/2012 đến 6/2013: Kỹ thuật viên - Phân xưởng Cơ nhiệt - Công ty Nhiệt điện Uông Bí
- Từ 7/2013 đến 12/2020: Chuyên viên Ban Tổng hợp - Tổng công ty Phát điện 1.
- Từ 01/2021 đến nay: Phó Ban Tổng hợp - Tổng Công ty Phát điện 1
- Từ 6/2018 đến nay: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại Công ty Kiểm soát viên tại CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** Chuyên viên Ban Tổng hợp - Tổng công ty Phát điện 1.**Bà Bùi Thị Thu Trang - Kiểm soát viên****Năm sinh** : 1990**Quốc tịch** : Việt Nam**Trình độ chuyên môn** : Thạc sĩ Kế toán**Quá trình công tác**

- Từ 01/7/2012 đến ngày 15/6/2013: Kiểm toán viên - Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY, Hà Nội
- Từ 16/6/2013 đến nay: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Phát điện 1.
- Từ 27/8/2019 đến nay: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chức vụ hiện nay tại Công ty Kiểm soát viên tại CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác** Chuyên viên ban Tài chính Kế toán - Tổng công ty Phát điện 1**Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông**

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của ban Kiểm soát theo quy định tại điều 165 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ban Kiểm soát đã thực hiện triển khai các nội dung công việc chủ yếu như sau:

- Ban kiểm soát trong năm đã thực hiện đúng vai trò của mình trong việc giám sát và quản lý, thường xuyên theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hoàn thành chương trình, nhiệm vụ kiểm soát hằng năm: Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty; thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng/lần đối với các hoạt động của Công ty.
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ tài chính hiện hành, cập nhật số liệu của Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, bán niên, và năm của Công ty mẹ và Công ty con; xem xét tính hợp lý của các quy định và quy trình luân chuyển chứng từ kế toán.
- Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty; tham gia ý kiến sửa đổi điều lệ Công ty, rà soát các quy định, quy chế nội bộ của Công ty; đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung phù hợp với tình hình thực tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu được vạch ra trong năm, tuân thủ điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ, đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh được triển khai theo đúng chiến lược đã đề ra trong các kỳ Đại hội và các cuộc họp HĐQT.
- Xem xét tính minh bạch trong quá trình công bố thông tin và chấp hành giao dịch cổ phiếu nội bộ và giữa những người liên quan đến các thành viên thuộc HĐQT, Ban điều hành, và Ban giám sát nhằm đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho nhà đầu tư.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đã phối hợp tích cực với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, trao đổi, thảo luận về các biện pháp mang tính xây dựng giúp nâng cao khả năng quản lý doanh nghiệp.
- Các hoạt động của Ban Kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành được phối hợp cởi mở, đoàn kết dựa trên tinh thần tuân thủ các quy định hiện hành của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và Quy chế nội bộ, đảm bảo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ đã được giao trong các cuộc họp HĐQT.
- HĐQT và Ban điều hành đã hỗ trợ, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp đều có sự tham gia của Ban Kiểm soát, các ý kiến của Ban Kiểm soát luôn được HĐQT và Ban điều hành phản hồi đầy đủ và nhanh chóng



Các giao dịch, thù lao và lợi ích

Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị (VND)
1	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Mua điện	3.500.856.770
				- Chi phí lãi vay	10.543.875.442
				- Trả nợ gốc vay	433.698.824.858
2	Tổng công ty Phát điện 1	Công ty mẹ	Năm 2020	- Chia cổ tức - Chi hộ	1.013.760.000.000 222.432.861
3	Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Bán điện	1.606.097.833.456
4	Tổng công ty Điện lực miền Nam	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Bán điện	69.166.881.191
5	Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Cổ tức được chia	2.579.069.000
6	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Cổ tức được chia	640.000.000
7	Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Mua dịch vụ	226.316.429
8	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 2	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Mua dịch vụ	2.545.534.865
9	Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 3	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Cung cấp dịch vụ	270.767.526
				- Mua dịch vụ	5.484.457.991
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Mua dịch vụ	4.960.786.136
11	Chi nhánh Tổng công ty Phát điện 1- Công ty Thủy điện Đại Ninh	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Cung cấp dịch vụ	9.350.000
12	Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin	Cùng trực thuộc Công ty mẹ cấp cao nhất	Năm 2020	- Mua dịch vụ	819.763.992

Giao dịch cổ phiếu cổ đông nội bộ:

Không phát sinh

Lương, thưởng, thù lao, và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Lợi ích khác
1 Hội đồng quản trị				
	Ông Nguyễn Trọng Oánh	787.599.376	72.701.500	-
	Ông Lê Văn Quang	-	-	-
	Ông Đỗ Minh Lộc	-	-	-
2 Ban kiểm soát				
	Ông Ngô Thế Long	646.248.000	64.625.000	-
	Ông Hoàng Văn Long	129.249.600	15.483.000	-
	Bà Bùi Thị Thu Trang	129.249.600	15.483.000	-
3 Ban điều hành				
	Ông Lê Văn Quang	755.025.747	87.511.500	-
	Ông Nguyễn Đình Chiến	668.860.532	77.415.000	-
	Ông Đỗ Minh Lộc	671.338.574	77.415.000	-
	Bà Phạm Thị Hồng Hà	615.004.532	70.683.000	-

QUẢN TRỊ CÔNG TY 2020

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của Công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả.

Năm 2020, Công ty đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: Hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động. Theo đó, Công ty có thể tận dụng được tối đa các nguồn lực trong Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú ý đến việc nâng cao năng lực quản trị của đội ngũ lãnh đạo thông qua việc cử đi tham dự các khóa đào tạo phát triển nguồn nhân lực do Tổng Công ty phát điện 1 đề xuất. Trong năm 2020, Công ty đã cử 8 thành viên tham gia gồm cán bộ đào tạo, các trưởng/ phó đơn vị và đại diện lãnh đạo Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng hỗ trợ Ban lãnh đạo tham gia các buổi giao lưu, các lớp học về quản trị Công ty nhằm tiếp cận những hướng quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ đó mà Ban lãnh đạo Công ty có thể cập nhật đầy đủ, chính xác các văn bản hướng dẫn Luật mới của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán, cũng như nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng của thị trường, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư đối với DNH.





EVNHPC DHD

PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2020

Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cổ phần Thủy điện - Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và công ty con trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó có mô tả việc Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("Nghị định 10"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình điện đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán theo hướng dẫn của Nghị định 10 đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày trong Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính hợp nhất. Ý kiến của chúng tôi không ngoại trừ vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00327-21-4



Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số N.3782-2017-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 2 năm 2021

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.494.459.105.437	1.960.440.525.002
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	144.301.260.966	730.564.116.171
Tiền	111		13.801.260.966	123.790.305.186
Các khoản tương đương tiền	112		130.500.000.000	606.773.810.985
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		906.609.863.014	685.897.861.813
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	906.609.863.014	685.897.861.813
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		407.101.224.604	452.817.305.174
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	319.655.796.608	358.393.390.591
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		617.453.789	44.047.760.014
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	86.827.974.207	50.376.154.569
Hàng tồn kho	140	8	34.701.177.033	89.198.264.643
Hàng tồn kho	141		34.701.177.033	89.198.264.643
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.745.579.820	1.962.977.201
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	1.665.330.983	1.734.874.568
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15(b)	80.248.837	228.102.633

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.857.512.522.708	7.271.262.527.287
Các khoản phải thu dài hạn	210		799.932.824.894	799.932.824.894
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	799.932.824.894	799.932.824.894
Tài sản cố định	220		5.461.979.964.333	5.764.183.782.771
Tài sản cố định hữu hình	221	10	5.460.953.119.682	5.763.347.963.176
Nguyên giá	222		14.828.272.944.701	14.780.687.683.939
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.367.319.825.019)	(9.017.339.720.763)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.026.844.651	835.819.595
Nguyên giá	228		1.886.838.057	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(859.993.406)	(693.018.462)
Tài sản dở dang dài hạn	240		435.135.170.408	402.864.223.360
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	435.135.170.408	402.864.223.360
Đầu tư tài chính dài hạn	250		98.669.359.110	288.483.008.655
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	53.329.359.110	43.143.008.655
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	7.980.000.000	207.980.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		61.795.203.963	15.798.687.607
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	8.740.750.100	14.086.419.514
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		53.054.453.863	1.712.268.093
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.351.971.628.145	9.231.703.052.289

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.551.925.771.590	3.041.734.151.393
Nợ ngắn hạn	310		413.833.801.055	756.961.116.404
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	56.365.859.483	88.058.439.092
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.701.238.120	2.497.345.582
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	133.181.117.132	95.194.436.129
Phải trả người lao động	314		23.659.464.522	21.317.713.475
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	20.040.657.833	12.616.328.842
Phải trả ngắn hạn khác	319		717.149.490	2.595.232.793
Vay ngắn hạn	320	17(a)	169.544.678.712	528.658.352.617
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	18	8.623.635.763	6.023.267.874
Nợ dài hạn	330		2.138.091.970.535	2.284.773.034.989
Phải trả người bán dài hạn	331	14	-	35.587.067.377
Vay dài hạn	338	17(b)	2.137.732.569.543	2.249.185.967.612
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	30(c)	359.400.992	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.800.045.856.555	6.189.968.900.896
Vốn chủ sở hữu	410	19	5.800.045.856.555	6.189.968.900.896
Vốn cổ phần	411	20	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		449.306.520.458	402.839.889.104
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	21	(28.633.216.069)	(8.452.600.340)
Quỹ đầu tư phát triển	418		70.104.106.264	116.360.737.618
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.034.827.684.024	1.406.517.581.598
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		376.231.675.876	360.230.274.516
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		658.596.008.148	1.046.287.307.082
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		50.440.761.878	48.703.292.916
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.351.971.628.145	9.231.703.052.289

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 - DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.686.110.693.140	2.195.242.396.344
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	841.814.187.724	843.171.721.613
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		844.296.505.416	1.352.070.674.731
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	132.971.353.378	131.638.545.109
Chi phí tài chính	22	27	117.086.565.946	149.905.783.589
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		79.749.834.629	55.082.600.412
Phần (lỗ)/lãi từ công ty liên kết	24	5(b)	(7.324.749.545)	6.764.087.447
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	56.507.318.013	59.771.753.817
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		796.349.225.290	1.280.795.769.881
Thu nhập khác	31		-	83.902.987
Chi phí khác	32		197.587.824	6.046.298.441
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(197.587.824)	(5.962.395.454)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		796.151.637.466	1.274.833.374.427
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	135.449.297.376	227.317.526.357
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	359.400.992	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		660.342.939.098	1.047.515.848.070

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
	Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)	660.342.939.098	1.047.515.848.070
	Phân bổ:		
	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	658.596.008.148	1.046.287.307.082
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.746.930.950	1.228.540.988
	Lãi trên cổ phiếu		
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.559	2.477

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:


 Lê Xuân Phong
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Thị Hồng Hà
 Kế toán trưởng


 Lê Văn Quang
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
	Lợi nhuận trước thuế	796.151.637.466	1.274.833.374.427
	Điều chỉnh cho các khoản		
	Khấu hao và phân bổ	351.463.819.308	316.828.108.415
	Các khoản dự phòng	-	(46.750.000)
	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	37.013.353.824	30.708.505.457
	Thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	(120.699.160.418)	(106.365.848.409)
	Thu nhập từ cổ tức	(3.219.069.000)	(8.988.603.500)
	Lãi/(lãi) từ công ty liên kết	7.324.749.545	(6.764.087.447)
	Chi phí lãi vay	79.749.834.629	55.082.600.412
	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.147.785.165.354	1.555.287.299.355
	Biến động các khoản phải thu	(398.387.418.308)	(166.454.962.775)
	Biến động hàng tồn kho	(4.696.806.229)	(48.035.703.435)
	Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	39.149.561.110	(19.340.244.710)
	Biến động chi phí trả trước	5.797.209.999	8.879.104.886
		789.647.711.926	1.330.335.493.321
	Tiền lãi vay đã trả	(52.707.103.281)	(59.009.918.709)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(141.121.771.075)	(364.878.499.616)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(13.724.999.821)	(16.686.605.337)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	582.093.837.749	889.760.469.659

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(94.194.487.691)	(878.730.584.794)
	Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	23	(1.309.532.465.796)	(644.585.278.480)
	Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay	24	795.897.861.813	989.663.690.943
	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(22.400.000.000)	-
	Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức	27	38.575.814.754	39.483.862.484
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(591.653.276.920)	(494.168.309.847)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	Tiền thu từ đi vay	33	41.622.261.892	1.028.501.728.612
	Tiền trả nợ gốc vay	34	(145.359.692.145)	(45.475.138.395)
	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(471.045.985.781)	(857.577.172.732)
	Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(1.920.000.000)	(3.360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(576.703.416.034)	122.089.417.485	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(586.262.855.205)	517.681.577.297	
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	730.564.116.171	212.882.538.874	
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	144.301.260.966	730.564.116.171	

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:



Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

12C
11N
10K
09F
08E

42-
HÀ
TY
M
HỒ

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty có cấu trúc như sau:

- 5 phòng ban;
- 2 phân xưởng sản xuất;
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật – đơn vị bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị điện, các công trình thủy công của nhà máy thủy điện;
- Ban Quản lý Dự án Mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	31/12/2020		1/1/2020	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu trực tiếp					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	70%	70%	70%	70%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Sản xuất, truyền tải, và phân phối điện.	20%	20%	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 274 nhân viên (1/1/2020: 284 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại công ty con, Nhóm Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoả vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi của Nhóm Công ty trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dùng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng cho chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Nghị định 10”). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính về Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện theo hướng dẫn của Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính sẽ tăng 20.180.615.729 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.036.123.146 VND VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.144.492.583 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019: chi phí tài chính sẽ giảm 39.569.498.429 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ tăng 7.919.299.686 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ tăng 31.677.198.743 VND), số dư chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 28.633.216.069 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 5.726.643.214 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 22.906.572.855 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 8.452.600.340 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 1.690.520.068 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 6.762.080.272 VND).

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty và công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoản tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 25 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 5 đến 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và công trình sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên sổ dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Nhóm Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

1120
 H I N
 NG
 KP
 110

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do đó, yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

12-02
 H I N
 NG
 KP
 110

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	514.249.227	553.225.264
Tiền gửi ngân hàng (*)	13.287.011.739	123.237.079.922
Các khoản tương đương tiền	130.500.000.000	606.773.810.985
	<u>144.301.260.966</u>	<u>730.564.116.171</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 3,0% (1/1/2020: 5%).

(*) Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng có khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc với số tiền 5.004 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đang được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (1/1/2020: 77.549 triệu VND) (Thuyết minh 17).

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ngắn hạn (i)		906.609.863.014		685.897.861.813
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dài hạn		-		200.000.000.000 (*)
▪ Trái phiếu (ii)	798	7.980.000.000 (*)	798	7.980.000.000 (*)
		<u>7.980.000.000 (*)</u>		<u>207.980.000.000 (*)</u>

(i) Số dư này phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 1 năm và các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm từ 3,7% đến 6,6% (1/1/2020: 5% đến 7,1%).

(ii) Số dư này bao gồm trái phiếu do ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành có giá trị 5 tỷ VND (1/1/2020: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 và có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu do ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (1/1/2020: 2,98 tỷ VND), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 và có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá ghi sổ.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020				1/1/2020							
	Số lượng cổ phần	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (i)	5.507.920	20%	20%	53.329.359.110	-	(*)	3.267.920	20%	20%	43.143.008.655	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác												
• Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.690	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	68.603.235.400	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	67.829.514.700
• Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	37.120.000.000	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	29.568.000.000
				37.360.000.000	-	105.723.235.400				37.360.000.000	-	97.397.514.700
				90.689.359.110						80.503.008.655		

25



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng. Trụ sở đăng ký của Công ty đặt tại xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Trong năm 2020, Công ty đã mua 20% cổ phần phát hành thêm của Thuận Bình với số tiền là 22.400 triệu VND.

Chi tiết giá trị ghi số của khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Lợi nhuận được chia lũy kế VND	Giá trị ghi số VND
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	55.079.200.000	(1.749.840.890)	53.329.359.110	32.679.200.000
			10.463.808.655	43.143.008.655

26

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	43.143.008.655	39.637.821.208
Góp vốn vào công ty liên kết	22.400.000.000	-
Phần (lỗ)/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(7.324.749.545)	6.764.087.447
Cổ tức đã nhận trong năm	(4.888.900.000)	(3.258.900.000)
	<u>53.329.359.110</u>	<u>43.143.008.655</u>

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ)/lợi nhuận thuần sau thuế VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	864.430.030.319	605.222.773.256	259.207.257.063	(38.575.332.202)
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	844.606.603.310	626.315.014.045	218.291.589.265	37.409.462.079

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	304.994.974.360	347.656.889.213
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	11.672.110.489	3.821.709.877
Các khách hàng khác	2.988.711.759	6.914.791.501
	<u>319.655.796.608</u>	<u>358.393.390.591</u>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	304.994.974.360	347.656.889.213
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	11.672.110.489	3.821.709.877
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	319.959.153	447.115.350
Công ty Thủy điện Đại Ninh - Tổng Công ty phát điện 1	9.350.000	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	85.453.360.660	47.928.933.233
Cổ tức được chia	-	1.973.424.200
Phải thu khác	1.374.613.547	473.797.136
	<u>86.827.974.207</u>	<u>50.376.154.569</u>

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2020 Giá gốc VND	1/1/2020 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	32.272.079.450	86.724.214.214
Công cụ và dụng cụ	1.406.006.566	772.852.401
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.023.091.017	1.701.198.028
	34.701.177.033	89.198.264.643

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Nhóm Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

9. Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu về cho vay dài hạn	799.932.824.894	599.932.824.894
Khoản cho vay dài hạn đến hạn thu hồi được gia hạn	-	200.000.000.000
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	799.932.824.894	799.932.824.894

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Phải thu về cho vay đối với			
Tổng Công ty Phát điện 1 – công ty mẹ			
▪ Khoản cho vay 1	VND	2024	200.000.000.000
▪ Khoản cho vay 2	VND	2025	150.000.000.000
▪ Khoản cho vay 3	VND	2025	449.932.824.894
		799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay này không có đảm bảo, có kỳ hạn gốc là 5 năm và lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm là 7,4% (1/1/2020: 8,9%). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.752.778.896.612	5.904.396.542.963	73.289.581.056	49.968.782.801	253.880.507	14.780.687.683.939
Tăng trong năm	-	10.284.840.196	419.933.364	3.263.299.999	-	13.968.073.559
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.089.700.059	22.447.533.248	4.067.845.253	117.207.214	-	28.722.285.774
Chuyển từ hàng tồn kho	-	3.837.870.082	3.878.553.952	135.284.035	-	7.851.708.069
Phân loại lại	-	588.293.923	-	(588.293.923)	-	-
Thanh lý	-	(121.552.520)	(612.960.000)	(582.227.588)	-	(1.316.740.108)
Giảm khác	-	(1.640.066.532)	-	-	-	(1.640.066.532)
Số dư cuối năm	8.754.868.596.671	5.939.793.461.360	81.042.953.625	52.314.052.538	253.880.507	14.828.272.944.701
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.764.702.497.407	4.157.388.842.063	50.370.120.233	44.624.380.553	253.880.507	9.017.339.720.763
Khấu hao trong năm	175.958.466.990	169.266.597.441	3.886.101.276	2.185.678.657	-	351.296.844.364
Thanh lý	-	(121.552.520)	(612.960.000)	(582.227.588)	-	(1.316.740.108)
Số dư cuối năm	4.940.660.964.397	4.326.533.886.984	53.643.261.509	46.227.831.622	253.880.507	9.367.319.825.019
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.988.076.399.205	1.747.007.700.900	22.919.460.823	5.344.402.248	-	5.763.347.963.176
Số dư cuối năm	3.814.207.632.274	1.613.259.574.376	27.399.692.116	6.086.220.916	-	5.460.953.119.682



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 3.820.298.370.551 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (1/1/2020: 3.352.679.206.143 VND).

Như được trình bày tại Thuyết minh 17(b), các tài sản hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay này. Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4), tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty từ Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 443.785.333.977 VND được thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận để đảm bảo cho chính khoản vay từ ngân hàng này của công ty con (1/1/2020: là 466.799.668.234 VND) (Thuyết minh 17(b)).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.528.838.057
Tăng trong năm	358.000.000
Số dư cuối năm	1.886.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	693.018.462
Khấu hao trong năm	166.974.944
Số dư cuối năm	859.993.406
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	835.819.595
Số dư cuối năm	1.026.844.651

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	402.864.223.360	1.804.706.088.811
Tăng trong năm	94.695.165.526	773.210.661.356
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>55.532.128.554</i>	<i>729.688.004.215</i>
<i>Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	<i>33.319.935.704</i>	<i>35.984.290.571</i>
<i>Lãi vay vốn hóa trong năm</i>	<i>5.843.101.268</i>	<i>7.538.366.570</i>
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 10)	(28.722.285.774)	(2.139.068.236.236)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13(b))	(381.997.000)	-
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	(33.319.935.704)	(35.984.290.571)
Số dư cuối năm	435.135.170.408	402.864.223.360

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (i)	434.790.597.285	381.845.141.005
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi	-	21.019.082.355
Các công trình khác	344.573.123	-
Số dư cuối năm	435.135.170.408	402.864.223.360

- (i) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án là nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Giai đoạn 1 của dự án đã hoàn thành và đi vào vận hành thương mại từ tháng 4 năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17(b)).

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.347.161.924	9.739.257.590	14.086.419.514
Tăng trong năm	1.081.438.773	2.610.202.310	3.691.641.083
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	381.997.000	381.997.000
Phân bổ trong năm	(1.315.406.612)	(8.103.900.885)	(9.419.307.497)
Số dư cuối năm	4.113.194.085	4.627.556.015	8.740.750.100

14. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	30.526.962.718	38.359.567.905
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	13.465.270.317	8.504.484.181
GE Power India Limited	4.435.403.723	20.218.320.144
Viện Nghiên cứu Cơ khí	681.109.762	9.017.558.460
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An	-	27.036.659.939
Công ty TNHH Cơ điện Minh Anh	-	10.867.574.247
Các nhà cung cấp khác	7.257.112.963	9.641.341.593
	56.365.859.483	123.645.506.469

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Ngắn hạn	56.365.859.483	88.058.439.092
Dài hạn	-	35.587.067.377
	56.365.859.483	123.645.506.469

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Xây lắp điện 1	13.465.270.317	8.504.484.181
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	404.244.508	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	178.370.587	178.370.587
Ban Quản lý Dự án Điện 1 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	117.722.452	-
Trung Tâm Thông Tin Điện Lực	-	4.448.400

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo thỏa thuận với các bên liên quan.

01-6
NH
NH
H

TINH
H

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2020 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	6.028.802.732	168.423.100.718	(160.528.090.321)	-	13.923.813.129
Thuế xuất nhập khẩu	-	223.266.965	(223.266.965)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.692.771.075	135.449.297.376	(141.121.771.075)	(147.853.796)	50.872.443.580
Thuế thu nhập cá nhân	119.167.779	6.055.740.736	(5.146.478.013)	-	1.028.430.502
Thuế tài nguyên	3.132.491.611	231.770.447.822	(198.404.832.451)	-	36.498.106.982
Các loại thuế khác	-	5.660.948.739	(5.643.507.159)	-	17.441.580
Các khoản phải nộp khác					
Phí dịch vụ môi trường rừng	21.381.043.932	89.503.938.144	(88.012.272.384)	-	22.872.709.692
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	7.840.159.000	31.960.847.250	(31.832.834.583)	-	7.968.171.667
	95.194.436.129	669.047.587.750	(630.913.052.951)	(147.853.796)	133.181.117.132

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	228.102.633	-	(147.853.796)	80.248.837

35



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí lãi vay	20.040.657.833	12.616.328.842

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong năm		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn						
đến hạn trả (b)	528.658.352.617	165.278.282.980	(528.658.352.617)	4.266.395.732	169.544.678.712	169.544.678.712

(b) Vay dài hạn

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.249.185.967.612	1.725.365.941.327
Giải ngân trong năm	50.696.788.807	1.028.501.728.612
Trả nợ gốc trong năm	(50.400.164.386)	(11.306.275.173)
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(165.278.282.980)	(528.658.352.617)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	53.528.260.490	35.282.925.463
Số dư cuối năm	2.137.732.569.543	2.249.185.967.612

36

1120
HI N
NG
KP
PH

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2020	1/1/2020
				VND	VND
<i>Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam</i>					
▪ Khoản vay 1	JPY	2020	3,21%	-	389.601.848.586
▪ Khoản vay 2 (i)	JPY	2021	2,75%	26.288.624.103	74.874.772.056
<i>Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực</i>					
▪ Khoản vay 1 (ii)	JPY	2044	0,21% - 1,6%	1.186.371.716.224	1.139.383.599.423
<i>Vay từ Ngân hàng phát triển Châu Á</i>					
▪ Khoản vay 1 (iii)	USD	2034	Lãi suất thả nổi	793.652.807.764	859.510.000.000
<i>Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận</i>					
▪ Khoản vay 1 (iv)	VND	2029	Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 2,5%	300.964.100.164	314.474.100.164
				2.307.277.248.255	2.777.844.320.229

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, nợ gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10).
- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,01%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, nợ gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 10) và tài sản của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu với công suất lắp máy 160MW (Thuyết minh 10 và Thuyết minh 12).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26 tháng 9 năm 2019, khoản vay này được sử dụng để tài trợ cho dự

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi. Đối với phần dư nợ 173.113.259.466 VND (tương đương 7.464.996 USD) chịu lãi suất thả nổi bằng LIBOR + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Đối với phần dư nợ 285.112.774.836 VND (tương đương 12.294.643 USD) chịu lãi suất bằng chi phí hoán đổi lãi suất cố định + biên độ lãi suất 3,65%/năm. Đối với phần dư nợ 335.426.773.463 VND (tương đương 14.464.285 USD) chịu lãi suất cố định là 2,5%/năm. Thời hạn vay là 15 năm trong đó thời gian ân hạn được tính từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 12 năm 2019) đến kỳ trả nợ đầu tiên (ngày 15 tháng 9 năm 2020). Nợ gốc và lãi vay sẽ được trả mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Các tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bảo Lộc (Thuyết minh 4).
 - Tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (Thuyết minh 10).
- (iv) Theo hợp đồng vay số 1/4/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2011 được ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận và công ty con, khoản vay này được sử dụng để thanh toán một phần chi phí thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2. Thời hạn vay là 18 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận tại thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 6 tháng 1 lần (+) cộng phí thỏa thuận là 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 443.785.333.977 VND (1/1/2020: 466.799.668.234 VND) (Thuyết minh 10).

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	6.023.267.874	4.608.373.211
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	16.325.367.710	18.101.500.000
Sử dụng trong năm	(13.724.999.821)	(16.686.605.337)
Số dư cuối năm	8.623.635.763	6.023.267.874

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	4.224.000.000.000	128.754.171.541	(48.049.098.769)	5.670.476.932	1.481.250.828.449	50.771.676.244	5.842.398.054.397
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.046.287.307.082	1.228.540.988	1.047.515.848.070
Có tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(718.080.000.000)	(2.368.713.116)	(720.448.713.116)
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	(991.286.884)	(991.286.884)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	274.085.717.563	-	(274.113.249.381)	-	27.531.818	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	384.803.510.067	(384.839.053.933)	35.543.866	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	-	(18.101.500.000)	-	(18.101.500.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 21)	-	-	39.596.498.429	-	-	-	39.596.498.429
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	4.224.000.000.000	402.839.889.104	(8.452.600.340)	116.360.737.618	1.406.517.581.598	48.703.292.916	6.189.968.900.896
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	658.596.008.148	1.746.930.950	660.342.939.098
Có tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(1.013.760.000.000)	-	(1.013.760.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	-	-	(46.592.611.363)	-	125.980.009	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	46.466.631.354	-	335.980.009	(300.000.000)	(35.980.009)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(16.225.905.722)	(99.461.988)	(16.325.367.710)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 21)	-	-	(20.180.615.729)	-	-	-	(20.180.615.729)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	4.224.000.000.000	449.306.520.458	(28.633.216.069)	70.104.106.264	1.034.827.684.024	50.440.761.878	5.800.045.856.555

39



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 như sau:

	Số cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH			
Một Thành viên	422.103.100	4.221.031.000.000	99,93%
Các cổ đông khác	296.900	2.969.000.000	0,07%
	422.400.000	4.224.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một Thành viên, được thành lập tại Việt Nam.



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Khoản mục này phản ánh khoản lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn liên quan đến xây dựng cơ bản của Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định 10 (Thuyết minh 3(b)(ii)).

Biến động của chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	8.452.600.340	48.049.098.769
Phát sinh trong năm	20.180.615.729	-
Phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	-	(39.596.498.429)
Số dư cuối năm	28.633.216.069	8.452.600.340

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 5 năm 2020, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 1.013.760 triệu VND, tương đương 2.400 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019 (2019: phân phối khoản cổ tức 929.280 triệu VND, tương đương 2.200 VND/cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018, trong đó khoản cổ tức 211.200 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong năm 2018).

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	26.298	603.870.671	24.439	567.607.276

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	381.853.458.139	391.707.329.670
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	243.230.518.090	494.161.528.915
	625.083.976.229	885.868.858.585

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	1.675.264.714.647	2.177.105.770.500
▪ Cung cấp dịch vụ	10.845.978.493	18.136.625.844
	1.686.110.693.140	2.195.242.396.344

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn		
▪ Điện đã bán	833.617.518.657	830.000.081.860
▪ Dịch vụ đã cung cấp	8.196.669.067	13.171.639.753
	841.814.187.724	843.171.721.613

117
 HI
 NG
 K
 Y PH

042
 NH
 TY
 PN
 0 HI

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu	120.699.160.418	106.365.848.409
Thu nhập cổ tức	3.219.069.000	8.988.603.500
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.053.123.960	16.284.093.200
	<u>132.971.353.378</u>	<u>131.638.545.109</u>

27. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	79.749.834.629	55.082.600.412
Phân bổ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện (Thuyết minh 21)	-	39.596.498.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá thanh toán	323.377.493	24.518.179.291
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	37.013.353.824	30.708.505.457
	<u>117.086.565.946</u>	<u>149.905.783.589</u>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	32.440.805.047	34.551.540.329
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.174.806.013	1.291.593.635
Thuế, phí và lệ phí	1.464.230.277	1.488.650.119
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	688.836.581	817.380.599
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	734.568.105	457.015.740
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(46.750.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.343.989.342	12.684.417.368
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.660.082.648	8.527.906.027
	<u>56.507.318.013</u>	<u>59.771.753.817</u>

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	19.468.388.450	42.734.566.705
Chi phí nhân công và nhân viên	94.887.981.697	103.617.290.784
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.423.404.686	410.477.361
Chi phí khấu hao và phân bổ	351.463.819.308	316.828.108.415
Thuế, phí và lệ phí khác	354.699.463.493	365.453.981.487
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(46.750.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.735.361.599	26.913.945.164
Chi phí khác	38.643.086.504	47.031.855.514

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	135.449.297.376	227.317.526.357
	<u>135.449.297.376</u>	<u>227.317.526.357</u>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	359.400.992	-
	<u>135.808.698.368</u>	<u>227.317.526.357</u>

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) **Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	796.151.637.466	1.274.833.374.427
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	159.230.327.493	254.966.674.885
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho công ty con	(597.095.696)	-
Ảnh hưởng thuế của phần thu nhập không bị tính thuế	821.136.109	(3.150.538.189)
Chi phí không được khấu trừ thuế	773.140.772	1.413.628.826
Ưu đãi thuế	(24.418.810.310)	(25.912.239.165)
	135.808.698.368	227.317.526.357

(c) **Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Thuế suất	31/12/2020 VND	31/12/2020 VND
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết	20%	359.400.992	-

(d) **Thuế suất áp dụng**

(i) **Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Dự án Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng và Dự án Điện mặt trời Đa Mi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2031).

Tất cả các miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.



Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(a) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	6.016.666.052	1.818.755.840
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
	6.016.666.052	1.818.755.840

(b) **Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2020 Cổ phiếu	2019 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	4.140.000	10.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	2.362.600	4.130.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	5.641.707	2.515.156

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 1 tháng 1 năm 2020, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2020 VND	2019 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	3.500.856.770	3.151.575.218
Chi phí lãi vay	10.543.875.442	17.984.767.536
Trả nợ gốc vay	433.698.824.858	506.555.119.580
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 1		
Thu nhập lãi cho vay	71.620.714.107	72.182.827.268
Chi hộ	222.432.861	149.897.000
Chia cổ tức	1.013.047.440.000	717.575.270.000
Cho vay	500.000.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Bán điện	1.606.097.833.456	2.108.835.010.810
Tổng Công ty điện lực Miền Nam		
Bán điện	69.166.881.191	68.270.759.690
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Cổ tức được chia	2.579.069.000	3.868.603.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ		
Cổ tức được chia	640.000.000	5.120.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua dịch vụ	226.316.429	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	2.545.534.865	10.669.437.578
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Cung cấp dịch vụ	270.767.526	1.462.159.689
Mua dịch vụ	5.484.457.991	9.318.304.769
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện 1		
Mua dịch vụ	4.960.786.136	-

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2020	2019
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	-	198.969.091
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh		
Cung cấp dịch vụ	9.350.000	-
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ Thông tin		
Mua dịch vụ	819.763.992	-
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam		
Mua dịch vụ	-	245.656.952
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng		
Cung cấp dịch vụ	-	53.590.000
Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua dịch vụ	-	299.569.510
Ban Quản lý Dự án Điện 1 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua dịch vụ	852.820.210	-
Nhân sự quản lý chủ chốt của Nhóm Công ty		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	722.475.706	705.684.600
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.177.021.255	1.138.187.800
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao	1.244.904.200	897.421.600

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2020 VND	2019 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	54.757.915.563	73.251.099.873
Thanh toán nợ gốc vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	433.698.824.858	524.539.887.116
Chi trả cổ tức bằng cách cân trừ với cho vay	500.000.000.000	-
Chi trả cổ tức bằng cách cân trừ với lãi khoản cho vay phải thu	42.714.014.219	72.182.827.268
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	7.077.397.218	28.531.416.284
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	10.543.875.442	-
Chi phí lãi vay nhập nợ gốc vay	9.074.526.915	-
Chuyển từ hàng tồn kho sang tài sản cố định	7.851.708.069	-
Chuyển từ tài sản cố định sang hàng tồn kho	-	3.912.000
Chuyển xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí trả trước dài hạn	381.997.000	-

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 26 tháng 2 năm 2021

Người lập:


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng


Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN
ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quang

